

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cơ chế mới, với sự hoạt động của nhiều thành phần kinh tế tính độc lập, tự chủ trong các doanh nghiệp ngày càng cao hơn mỗi doanh nghiệp phải năng động sáng tạo trong kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy các doanh nghiệp phải nhận thức được vị trí khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của kinh doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Cty CPTM Việt Thắng, từ kiến thức đã được học và thực tiễn em xin chọn đề tài ” ***Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*** “

Nội dung khóa luận bao gồm 3 phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cty CPTM Việt Thắng

Chương III : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Việt Thắng

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị của trường ĐHDL Hải Phòng, cũng như ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty CPTM Việt Thắng đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn

Hải Phòng , ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Luyên

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1_ Những vấn đề chung về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 _Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh , để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần .Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa , dịch vụ.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong 1 thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra , các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong 1 thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là 1 việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp

1.1.2_ Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1 _Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

➤ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác “ ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoãn mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng .

➤ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong 1 hoặc nhiều kỳ kế toán

Doanh thu của việc giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định 1 cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Theo chuẩn mực kế toán số 14.Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

- Chiết khấu thương mại:*** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên

tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng bị kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: Là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng :

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:

Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho của Doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho bên mua hoặc tại thời điểm đã quy định trước trong TH : sản xuất khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ

- Phương thức gửi hàng cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán , khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua , giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng

Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ . Khi bán được hàng ký gửi doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng

phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi :Số sản phẩm, hàng hóa nhận, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này .Doanh thu của đại lý chính là các khoản hoa hồng được hưởng.

- Phương thức bán hàng trả chậm trả góp

Theo phương thức này , khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ.Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và chịu một khoản lãi suất đã được quy định trong hợp đồng.Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào doanh thu (TK 511) mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515).Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức hàng đổi hàng

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư,hàng hóa đổi lấy vật tư,hàng hóa không tương tự.Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường

- **Doanh thu nội bộ** :Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tính theo giá nội bộ.

- **Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**

Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (512)sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:Thuế TTĐB,thuế XK,chiết khấu thương mại,hàng bán bị trả lại,giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Là tổng giá trị, lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đạt được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính . Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

➤ **Thu nhập khác**

Là khoản doanh thu doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên . Gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không các định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác

1.1.2.2_ Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung “ ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm:

Giá vốn hàng bán:

Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu , quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng. Các chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: các chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp., các khoản thuế phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

Chi phí hoạt động tài chính:

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác...

Chi phí khác:

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ năm trước. Nội dung của các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.2.3_Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp(lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp.

Cách tính chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận Trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn bán hàng}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.3_Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa, bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại, và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đôn đốc các khoản phải thu.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên

quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

1.2_Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1_Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1_Chứng từ sử dụng

+ Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14-BH).

+Thẻ quây hàng (Mẫu 15-BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu,séc,báo có NH, bảng sao kê của NH).

+Chứng từ kế toán liên quan khác như : Phiếu xuất kho bán hàng, hóa đơn vận chuyển, bóc dỡ.....)

+Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại....

1.2.1.2_Tài khoản sử dụng

❖ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này sử dụng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

TK511 có 6 TK cấp 2

-TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

-TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm

-TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

-TK5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 5117 – doanh thu kinh doanh BĐSĐT

- TK 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu và nội dung phản ánh TK511

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

TK 512 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK511

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 521: chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có :

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

❖ **Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu.**

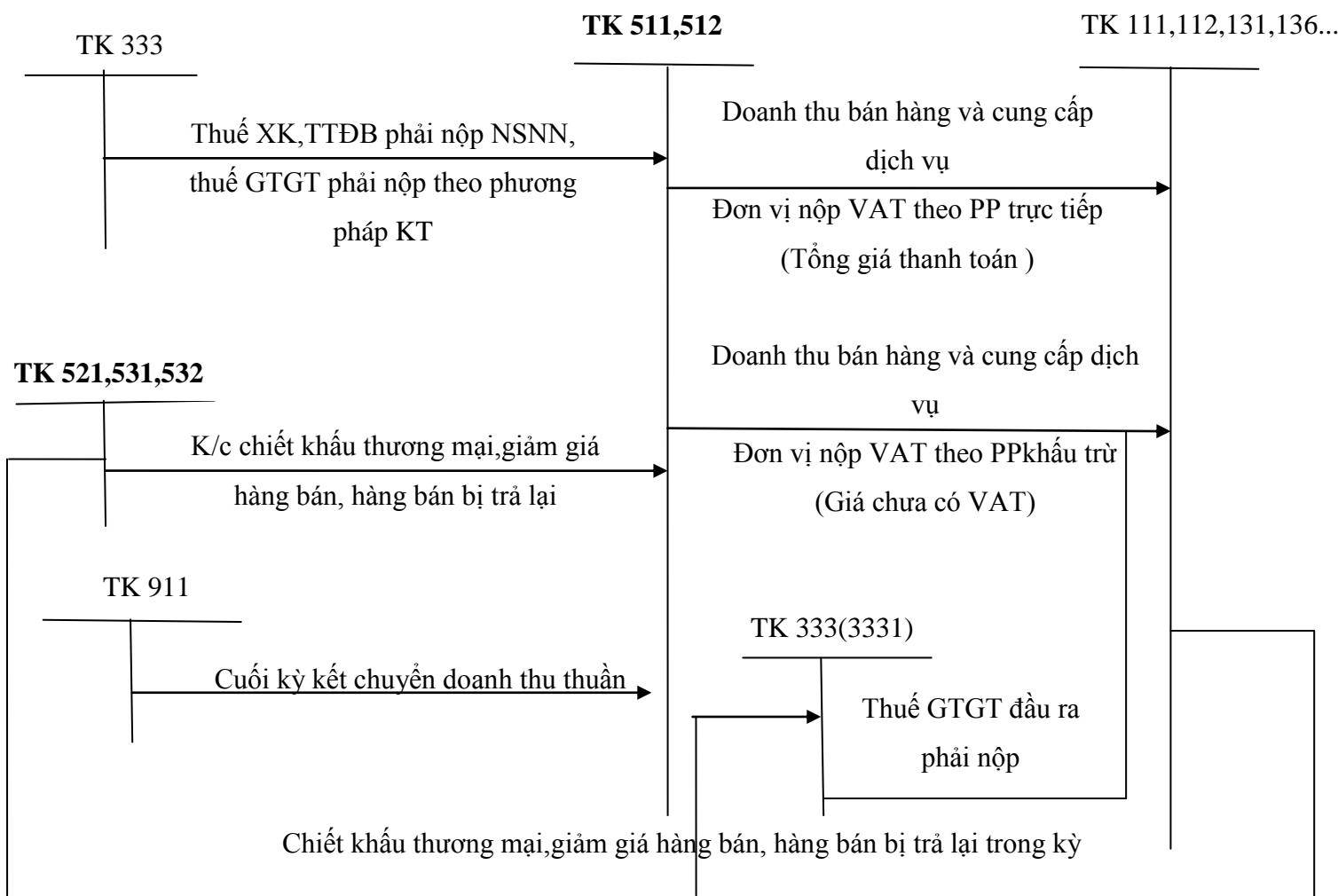
Sử dụng các tài khoản sau

- Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3_Phương pháp hạch toán

Hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau

Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2_Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1_Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Để theo dõi giá vốn hàng bán, chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất kho hàng bán kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng kế toán lập bộ chứng

từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu ghi nhận doanh thu và ghi nhận giá vốn hàng bán thông qua TK 632. Cuối tháng tổng hợp hàng hóa để lập BCTC.

1.2.2.2_ Tài khoản sử dụng

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản : **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp định kỳ sử dụng thêm tài khoản : **Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất “**

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

❖ Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phân tích trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ

Bên Nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết)

Bên Có

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 631 : giá thành sản xuất**

Bên nợ:

- Trị giá thành phẩm tồn kho đầu kỳ
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ
- Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành

Bên có

- Kết chuyển trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ bên nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ bên nợ TK 157
- Kết chuyển giá vốn HH, TP, DV đã xuất bán sang bên nợ TK 911 XĐKQKD

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Theo chuẩn mực số 02 “ Hàng tồn kho “ việc tính trị giá hàng tồn kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

• Phương pháp giá thực tế đích danh : Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

• Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về , phí thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

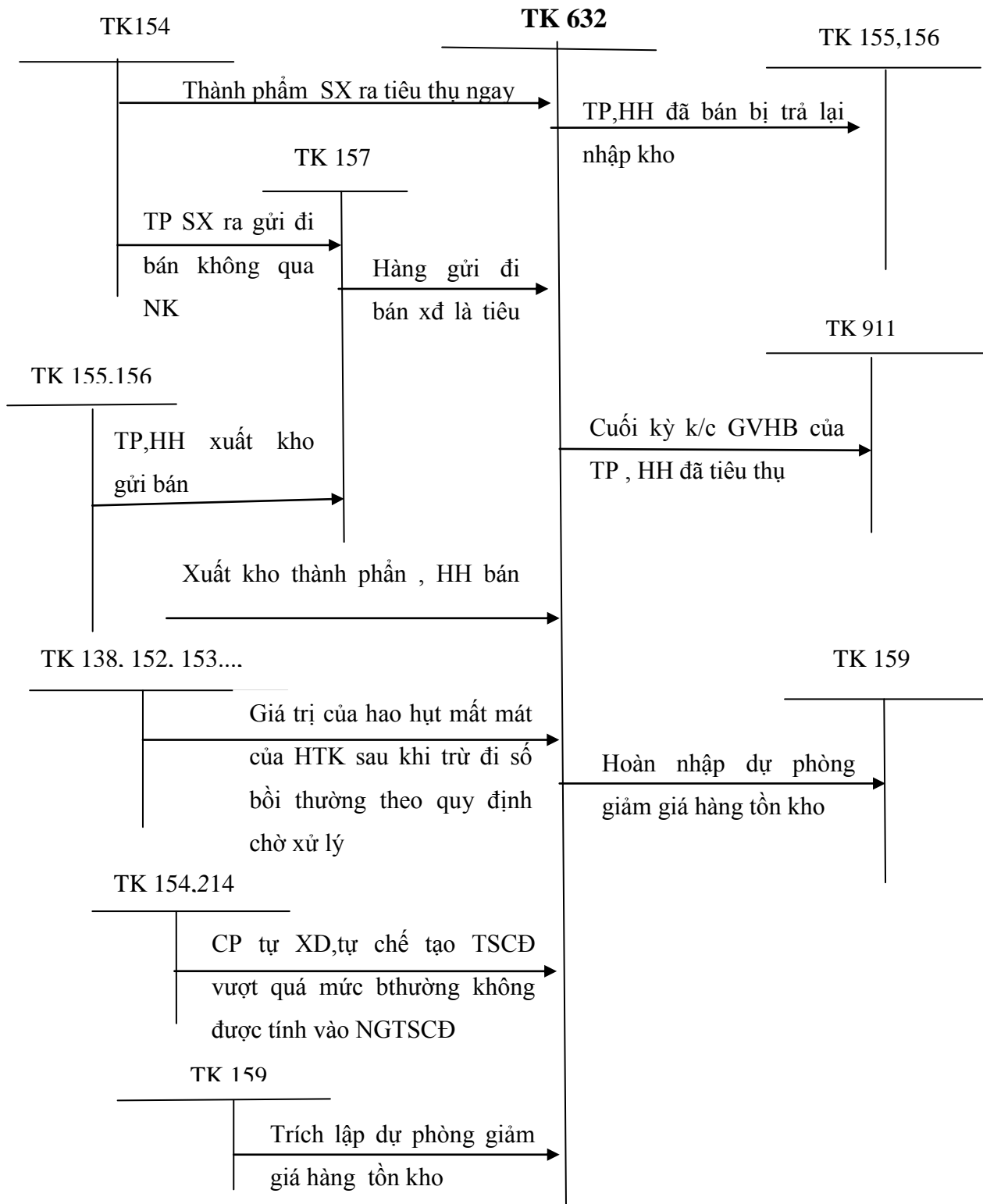
• Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO) : Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

• Phương pháp nhập sau xuất trước(LIFO): Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

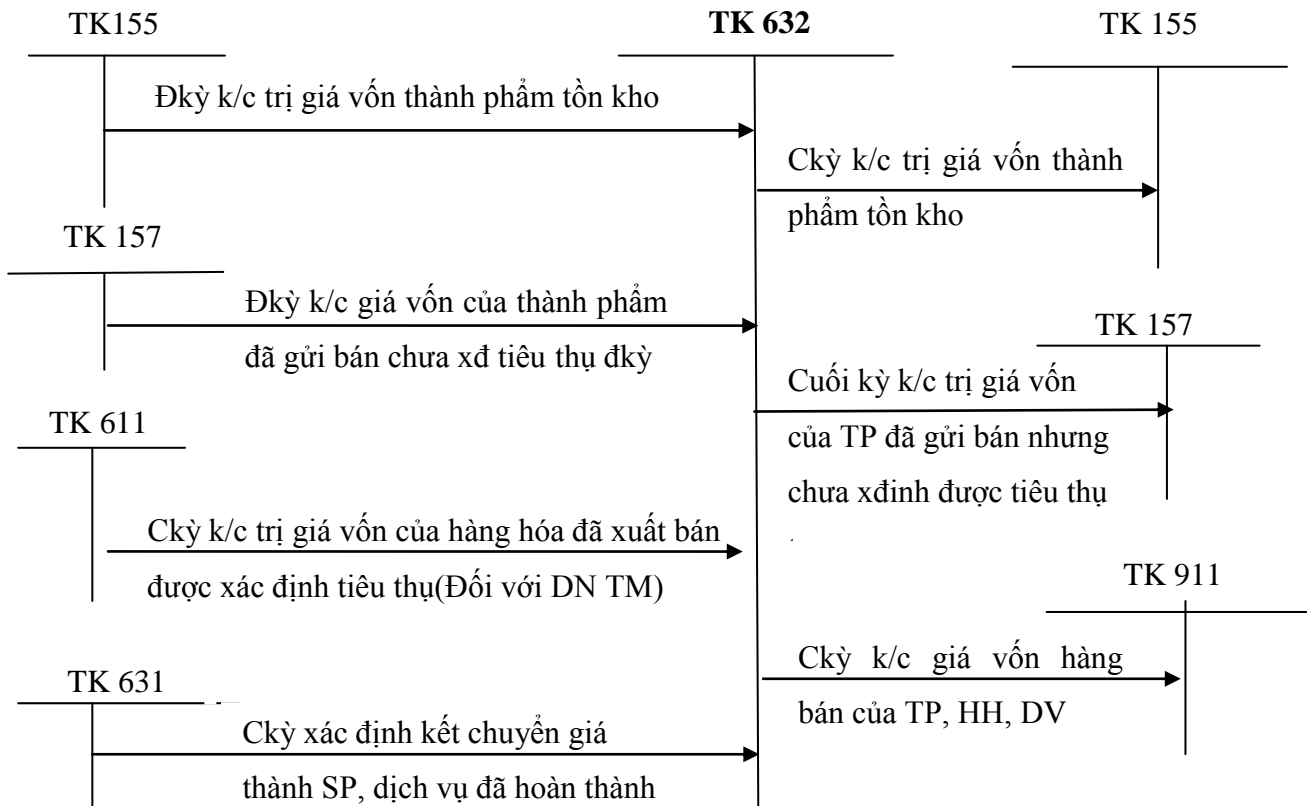
Hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp KKTX được thể hiện theo sơ đồ 1.2 như sau :

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện theo sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK:



1.2.3_Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1_Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL –CCDC (Mẫu số 07-VT)
- Các chứng từ gốc liên quan

1.2.3.2_Tài khoản sử dụng

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng, không có số dư ,có 7 TK cấp 2:

- Tài khoản 6411: chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: chi phí vật liệu bao bì
- Tài khoản 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng
- Tài khoản 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có: Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911

❖ **TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư, có 7 TK cấp 2:**

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí dụng cụ văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.

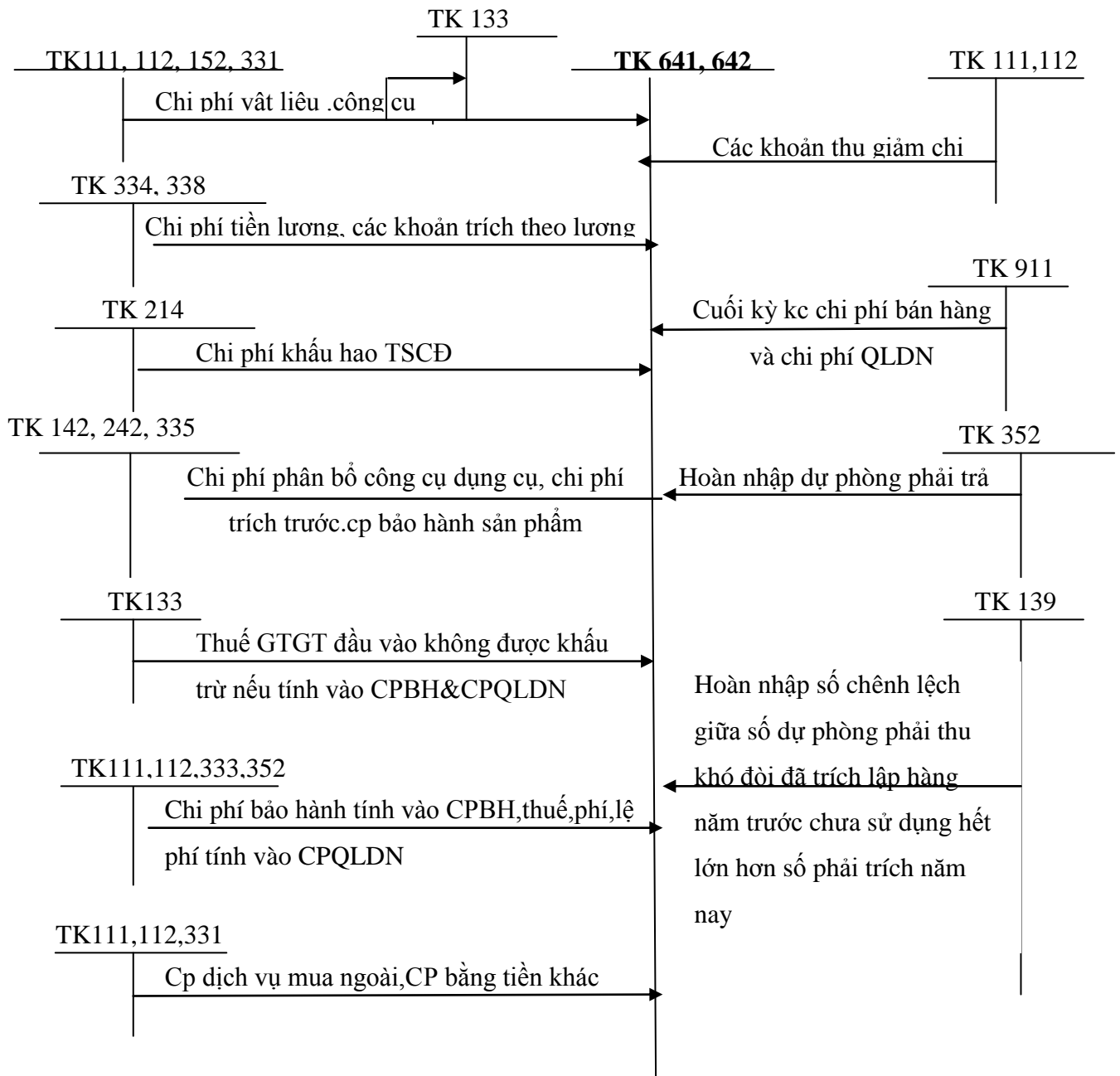
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.)
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau :

Sơ đồ 1.4 : Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4_Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1_Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các hợp đồng vay vốn
- Giấy báo nợ, Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác: phiếu thu, phiếu chi...

1.2.4.2_Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi

nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh...của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản này như sau

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoang thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

Tài khoản 515 không có số dư

❖ **Tài khoản 635: Chi phí tài chính**

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản này như sau

Bên nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán cá khaonr đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- Các khoản chi phí tài chính khác

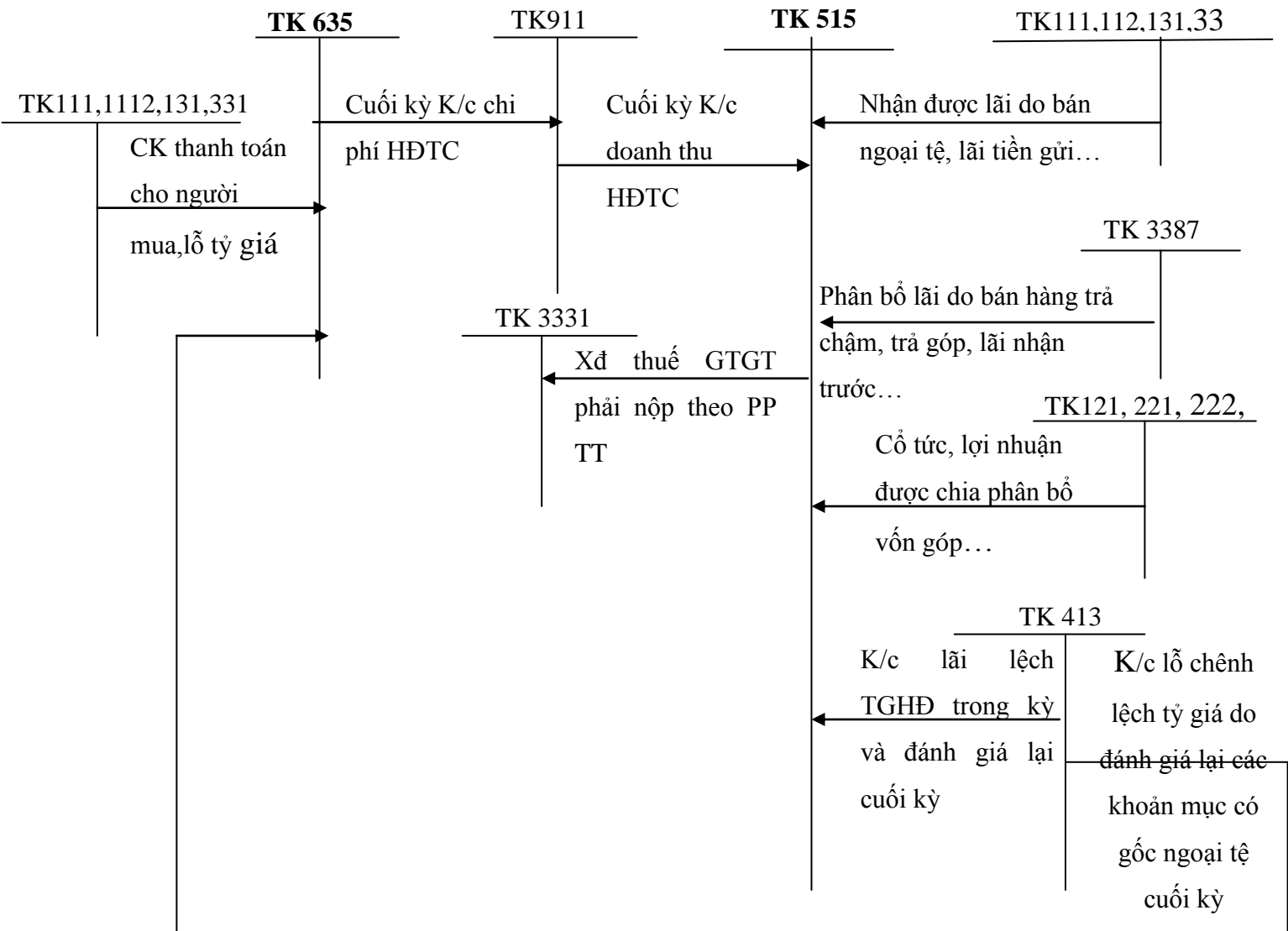
Bên có:

- Các khoản giảm chi phí tài chính
- Cuối kỳ k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định KQKD

1.2.4.3_ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua đồ 1.5 như sau

Sơ đồ 1.5 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.5_ Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1_ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế

1.2.5.2_ Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711: thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

Bên có:

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Tài khoản 711 không có số dư

❖ **Tài khoản 811: Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có:

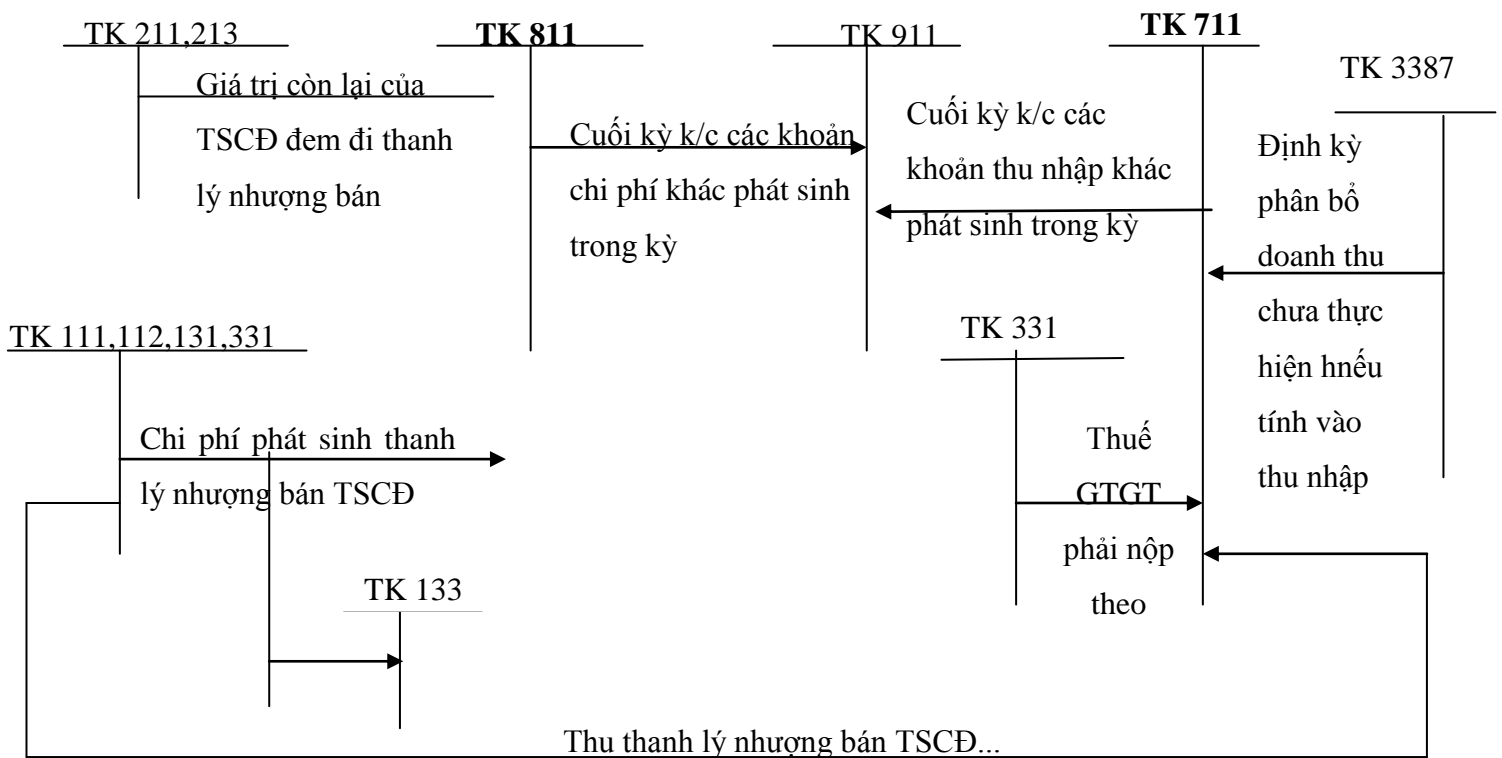
Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911

Tài khoản 811 không có số dư

1.2.5.3_Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 16 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư...) chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh sử dụng TK 911
- Kết cấu tài khoản như sau :

Bên Nợ

- Trị giá vốn sản phẩm hàng hóa , lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ CPBH ,CPQLDN
- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác k/c lãi sau thuế

Bên có

- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ

- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- K/c lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

※ **TK821-Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của Doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Bên có :

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

-Kết chuyển CP thuế TNDN sang TK 911 “ Xác định KQKD”

TK 821 không có số dư cuối kỳ

TK 821 có 2 TK cấp 2

TK 8211 – Cp thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8222 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

※ **TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của Doanh nghiệp

Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của Doanh nghiệp
- Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông,các nhà đầu tư,các bên tham gia liên doanh.

-Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

-Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên có :

-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

-Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên,số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.

-Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Số dư Bên Nợ : Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư Bên Có : Cố lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

TK 421 có 2 tài khoản cấp 2

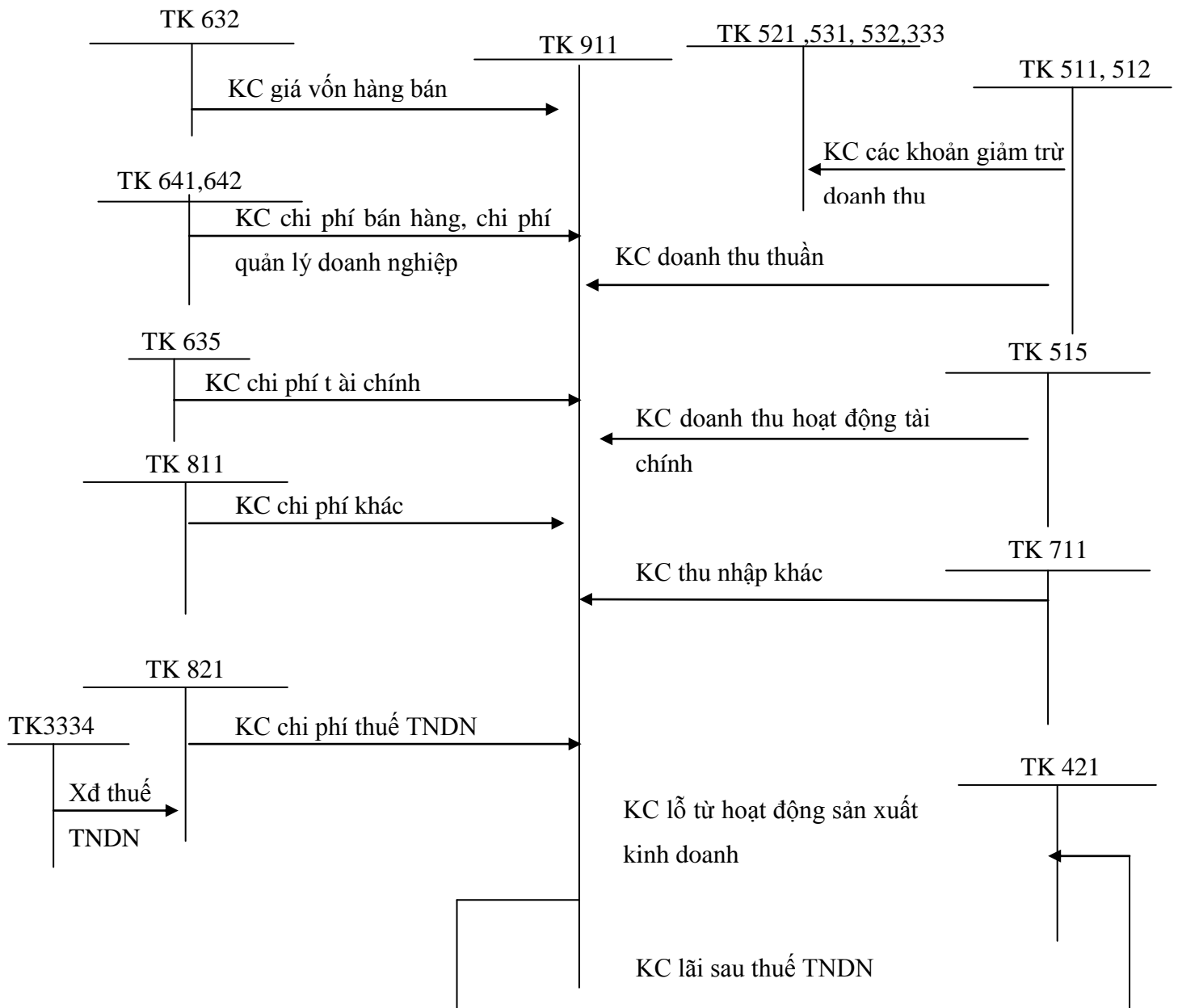
TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.6.3_Phương pháp hạch toán

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo sơ đồ 1.7 như sau

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Chương II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM VIỆT THẮNG

2.1_Khái quát chung về công ty CPTM Việt Thắng

2.1.1_Quá trình hình thành và phát triển

- _ Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thương Mại Việt Thắng
- _ Địa chỉ trụ sở : Phú Xá - Đông Hải - Hải An - thành phố Hải Phòng
- _ MST : 0200647274
- _ Vốn đầu tư đăng ký: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng Việt Nam)
- _ Telephone: 031_3766094
- _ Fax : 031_3555138

Được thành lập từ năm 2007 với số vốn đầu tư 5 tỷ đồng, đến nay Công ty CP TM Việt Thắng đã trải qua hơn 3 năm trưởng thành và phát triển. Năm 2008 và 2009 được xem là năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Tuy nhiên với tầm nhìn của Ban lãnh đạo và sự quyết tâm của cán bộ công nhân viên, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong khoảng thời gian này công ty đã ký kết được các hợp đồng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ bốc dỡ và bán vật liệu xây dựng cho các công ty trên địa bàn.

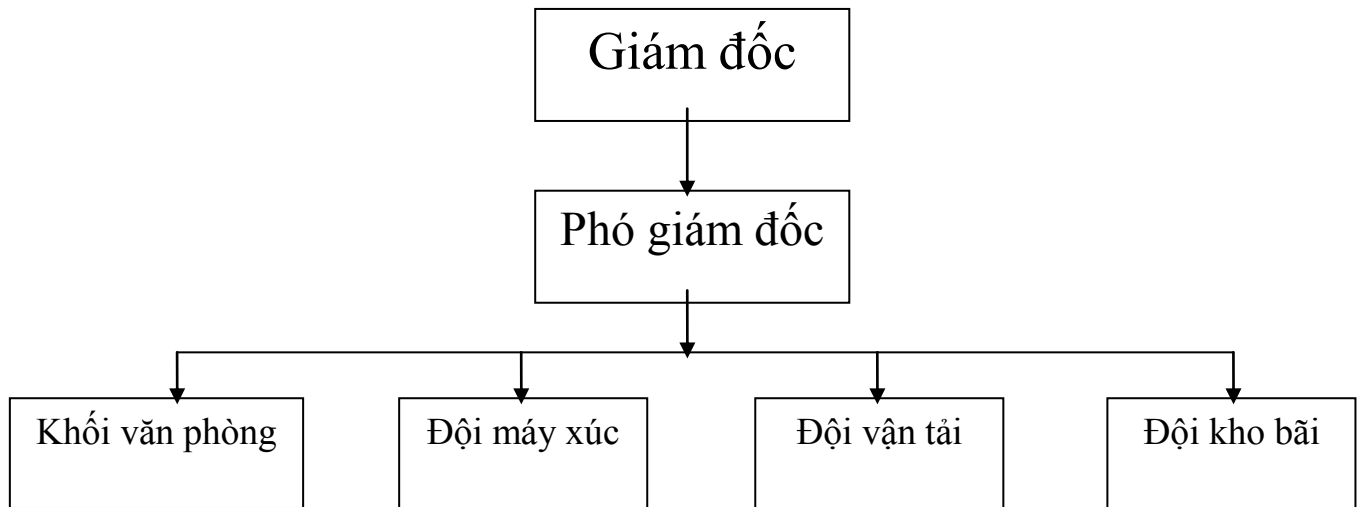
2.1.2_Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

- _ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng hoá vật liệu xây dựng, vận chuyên và cho thuê máy móc, thiết bị, tư liệu sản xuất, kinh doanh chất đốt xăng dầu, phá dỡ tàu,..

2.1.3- Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Hiện nay bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 2.1 BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY.



Công ty CP TM Việt Thắng hiện nay có 31 nhân viên tại các bộ phận:

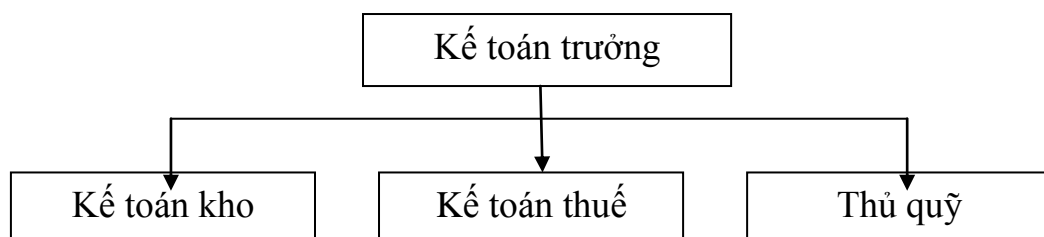
- + Khối văn phòng: 10 người
- + Đội máy xúc: 4 người.
- + Đội vận tải: 14 người.
- + Đội kho bãi: 3 người.

2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại Công ty:

2.1.3.1: Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán có chức năng tổ chức bộ máy kế toán, thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ, xuất nhập tồn hàng hóa. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ, thống kê, giữ bí mật các tài liệu kế toán, tổ chức hướng dẫn thi hành các chế độ tài chính kế toán của Nhà Nước.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- Kế toán trưởng: kiểm tra, phối hợp hoạt động của các kế toán viên nhằm bảo đảm sự thống nhất về mặt số liệu và quy trình kế toán. Ngoài ra kế toán

trưởng còn thực hiện các bút toán kết chuyển, theo dõi về thuế, căn cứ để lập các sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

- Kế toán kho: tập hợp hàng hóa mua vào và bán ra.
- Kế toán thuế: theo dõi các khoản phải trả người bán và phải thu của người mua theo hóa đơn, chứng từ, chi phí tiền lương, chi phí hành chính.
- Thủ quỹ: có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại công ty, thu chi tiền khi có hóa đơn chứng từ của kế toán thuế chuyển sang. Cuối ngày phải báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán thuế

2.1.4.2_ Tổ chức hệ thống chứng từ và TK kế toán tại công ty

Công ty CP TM Việt Thắng áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, các tài khoản phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

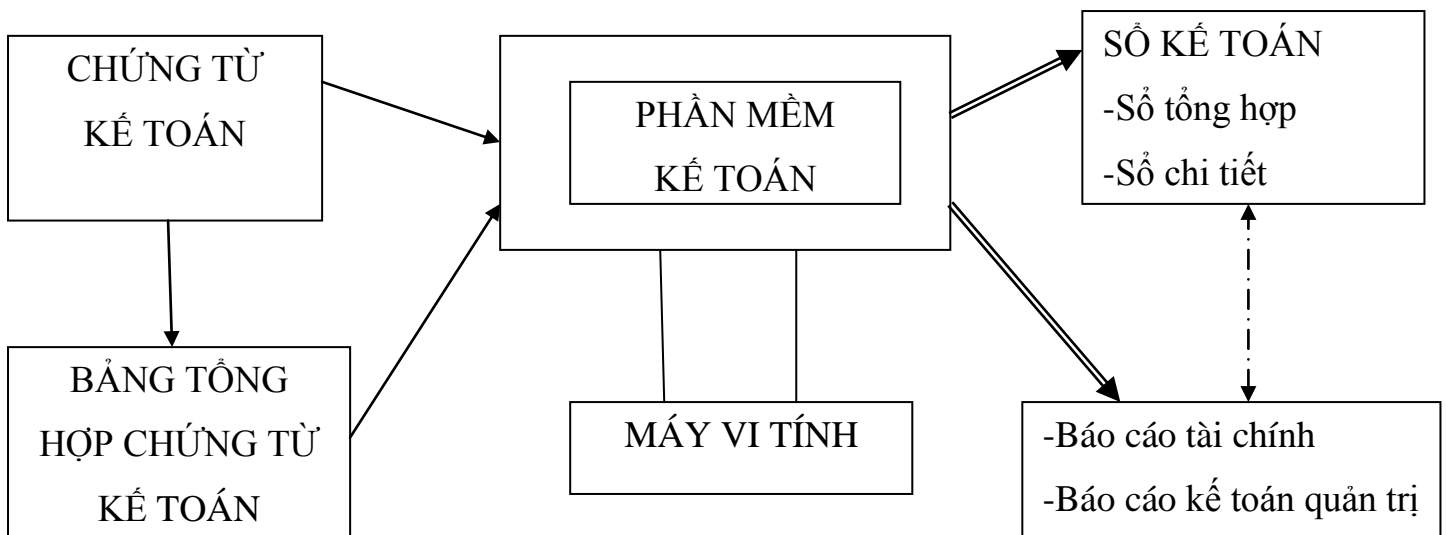
Công ty vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

2.1.4.3_ Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy UNESSCO theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu ngày 01/01 đến hết ngày 31/12

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính

Giới thiệu phần mềm kế toán UNESCO

UNESCO là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao, giao diện Tiếng Việt thân thiện, dễ sử dụng. UNESCO luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại.

Màn hình UNESCO được thiết kế bao gồm những phần sau:(Hình 2.3)

- Nhập chứng từ : kế toán vào phần chứng từ để nhập dữ liệu
- Kế toán chi tiết : khi dữ liệu được nhập vào máy thì phần mềm kế toán sẽ tự đi vào các sổ chi tiết, sổ cái,...
- Kế toán tổng hợp: bao gồm sổ nhật ký chung, sổ tổng hợp công nợ, sổ cái...bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính, giúp kế toán dễ dàng theo dõi
- Báo cáo quản trị



Hình 2.3

2.2_ Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Việt Thắng.

2.2.1_ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPTM Việt Thắng.

Do đặc điểm của công ty là công ty thương mại nên Doanh thu chủ yếu của công ty là doanh thu về :

- Bán các vật liệu xây dựng : cát , đá, xi măng...
- Doanh thu về cho thuê các thiết bị máy móc : cho thuê máy xúa, máy kéo, máy cầu...

Hình thức thanh toán chủ yếu của công ty là chuyển khoản

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT công ty áp dụng là 10%

2.2.1.1_ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 GTGT -3LL), Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên :

- +Liên 1 (màu tím): lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty
- +Liên 2 (màu đỏ) : giao cho khách hàng
- +Liên 3 (màu xanh): luân chuyển nội bộ
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Hợp đồng mua bán

2.2.1.2_ Tài khoản sử dụng

TK 511- Doanh thu bán hàng

TK 5111– Doanh thu bán hàng

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 511301 – Doanh thu dịch vụ vận tải

TK 511302 – Doanh thu cho thuê máy

TK 511303 – Doanh thu xây lắp

TK 511304 – Doanh thu khác

TK 111,112,131,3331.....

2.2.1.3_ Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty

Trước tiên phải có hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc hợp đồng kinh tế nguyên tắc và bảng xác định khối lượng hàng hóa cung cấp, kế toán phải kiểm tra xem số lượng , chủng loại có đúng quy định ghi trong hợp đồng hay không

.Từ đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa (gồm 3 liên)

Hàng ngày ,căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện in các sổ sách kế toán , báo cáo tài chính.

Vì dụ 01 :Ngày 18/12/2010 Doanh thu bán cát đá cho cty CP TM XD 325 với số tiền trước thuế là :436.729.000, VAT :43.672.900, tổng cộng tiền thanh toán : 480.401.900

Kế toán nhập dữ liệu vào máy tính theo các bước sau:

- Vào Nhập chứng từ (Hình 2.3) trên màn hình máy tính sẽ hiện lên giao diện như (Hình 2.4), kế toán sẽ kích vào nút **Bán hàng** (Hình 2.5)

- Nhập các thông tin chung :(Hình 2.6)

- Tháng : 12
- Ngày 18/12/2010
- Kênh phân phối và Ngày GS phần mềm tự nhảy
- Số hiệu : BH12/11 (Hóa đơn bán hàng tháng 12 và số thứ tự 11)
- Kho hàng : Kho hàng hóa
- Diễn giải: Doanh thu bán cát đá – Cty CPTM XD 325

❖ Kế toán ấn **phím Tab** để xuống phần Tài khoản đánh số hiệu TK 5111, sau đó lại ấn **phím Tab** sang phần **Diễn giải /Enter** lúc này trên màn hình giao diện sẽ hiện lên các mặt hàng trong kho hàng hóa và kế toán sẽ chọn mặt hàng mình cần nhập dữ liệu. Cột **Mã số** phần mềm sẽ tự nhảy tương ứng với mặt hàng mà kế toán đã chọn.Kế toán cứ lần lượt ấn **phím Tab** để sang cột **Số lượng , Đơn giá , Phát sinh nợ , Phát sinh có** và điền dữ liệu vào máy .Tương tự kế toán nhập dữ liệu các tài khoản phát sinh khác như các bước ở trên. Sau khi nhập sau 1 nghiệp vụ kinh tế phát sinh , kế toán chọn nút biểu tượng “ * “ hoặc ấn phím **Alt G** để ghi dữ liệu vào máy.

❖ In phiếu kế toán , kế toán kích vào nút **In** trên thanh công cụ, chọn loại máy in và in ra phiếu hạch toán (Hình 2.7)

Thao tác cụ thể như sau:

BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA CUNG CẤP

TỪ NGÀY 01/12/2010 ĐẾN NGÀY 15/12/2010

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CPTM VIỆT THẮNG

Địa chỉ : Phú Xá - Đông Hải - Hải An

MST : 0200647274

Đơn vị mua hàng : CÔNG TY CP TM XD 325

Địa chỉ : 172 Lãm Hà - Phường Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng

MST : 0200936205

Ngời đại diện: **Bùi Văn Thạch**

<i>Mặt hàng</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Khối lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
Cát Vàng	M3	120.00	197,000	23,640,000
Cát Đen	M3	3,163.00	63,000	199,269,000
Đá 1*2	M3	100.00	197,000	19,700,000
Cát Hà Bắc	M3	1,500.00	98,000	147,000,000
Đá 0*5	M3	310.00	152,000	47,120,000
<i>Cộng tiền hàng</i>				436,729,000
<i>Thuế GTGT 10%</i>				43,672,900
<i>Tổng cộng</i>				480,401,900

Bốn trăm tám mươi triệu .bốn trăm lẻ một nghìn ,chín trăm đồng

Hải phòng , ngày 15 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CPTM VIỆT THẮNG

CTY CP TMXD 325

Biểu 01 : Bảng xác định hàng hóa cung cấp

HOÁ ĐƠN
Mẫu số: 01/GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày: 18 tháng 12 năm 2010

Mã số: 01/GTKT-3LL
PQ/2010B
0048311

Đơn vị bán hàng: _____
Địa chỉ: _____
Số tài khoản: _____
Điện thoại: _____ MS: _____

CTY CP THƯƠNG MẠI VIỆT THẮNG
PHỦ XÁ - ĐÔNG HẢI - HẢI AN - HP
MST: 0200647274

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: Công ty CP Thương Mại xây dựng 325
Địa chỉ: 177 Lãm Hà, P. Lãm Hà, K. An, H. Hưng
Số tài khoản: _____
Hình thức thanh toán: CK MS: 02 00 93 62 05

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cát vàng	m ³	120	197.000	23.640.000
2	Cát dạn	m ³	3163	63.000	199.269.000
3	Đá 1x2	m ³	100	192.000	19.200.000
4	Cát 1/5	m ³	1500	98.000	147.000.000
5	Đá 0x5	m ³	310	152.000	47.120.000
Tổng cộng hàng:					436.729.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 43.672.900
Tổng cộng tiền thanh toán:					480.401.900

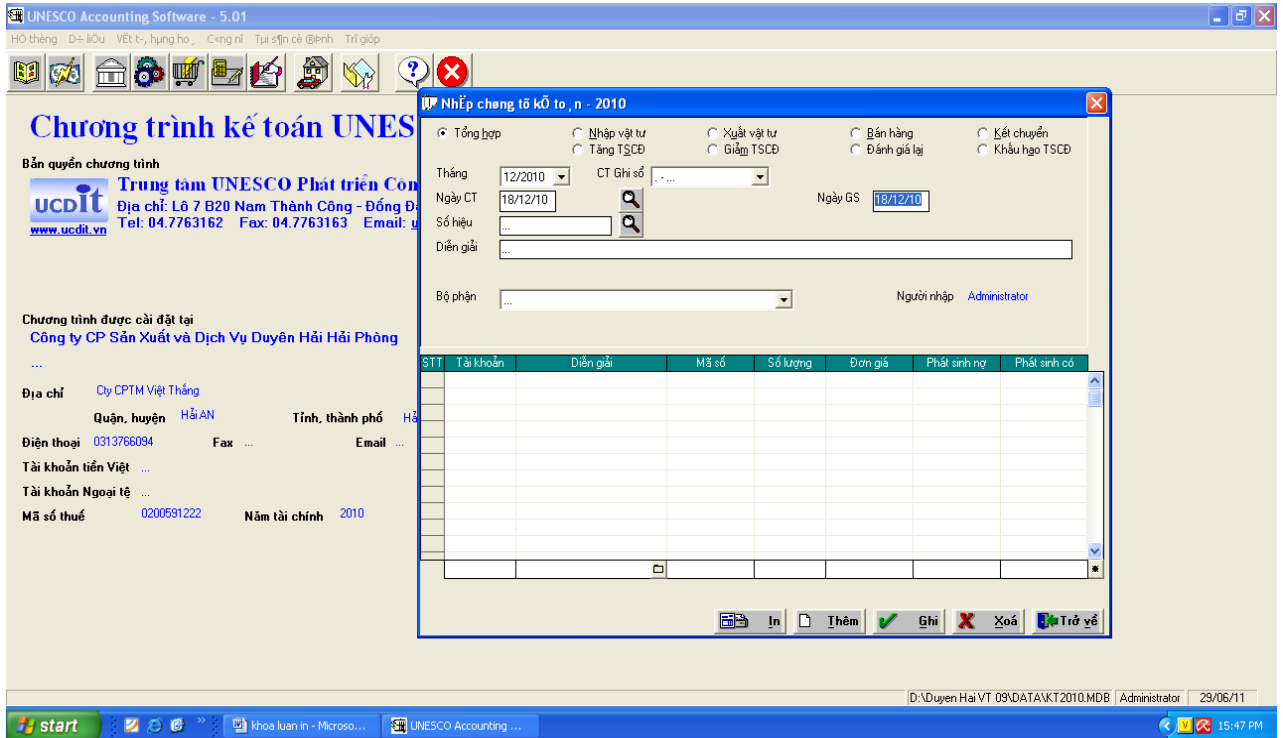
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn chín trăm lẻ một đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Trần Thị Anh*
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Trần Anh*
Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên): *Phó Giám Đốc*

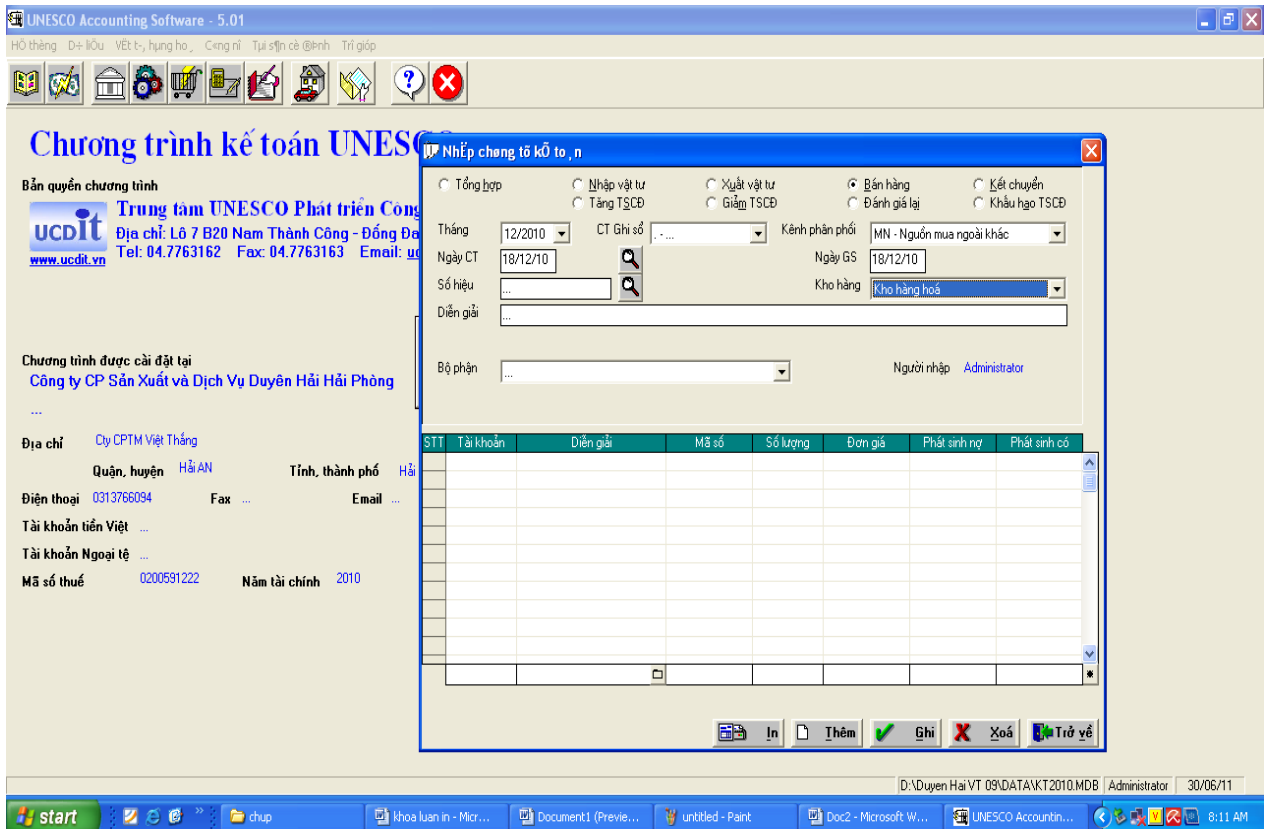
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thu Hương

Biểu 02 Hóa đơn GTGT đầu ra

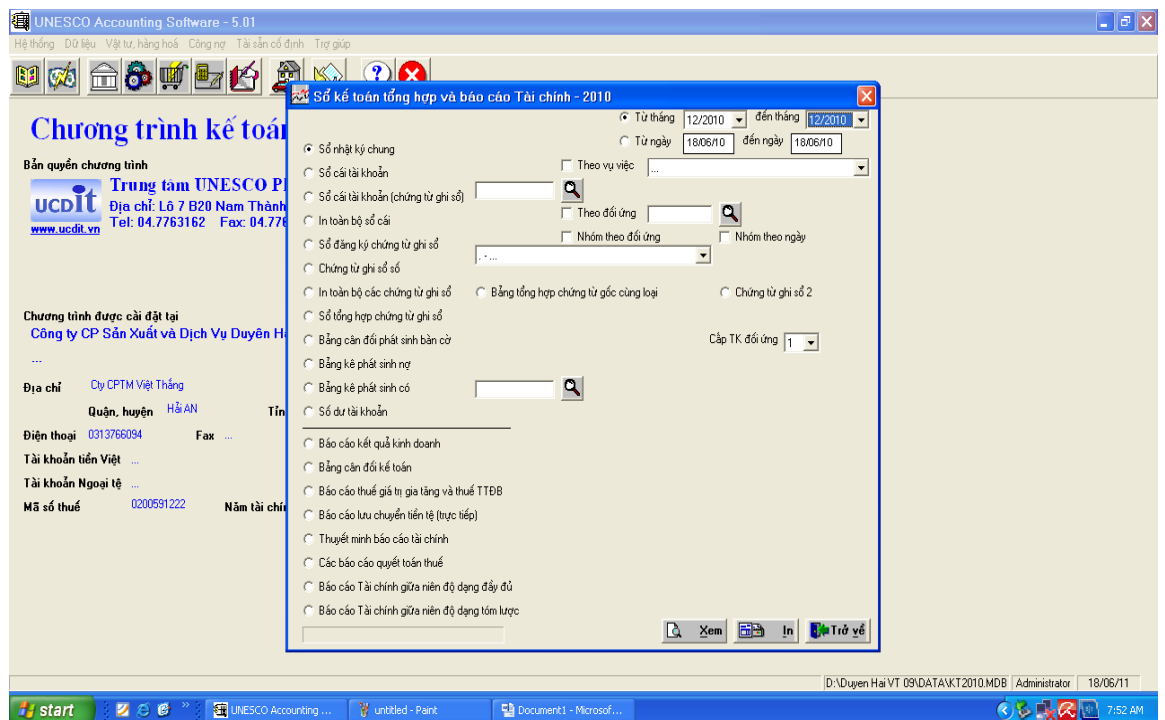


Hình 2.4

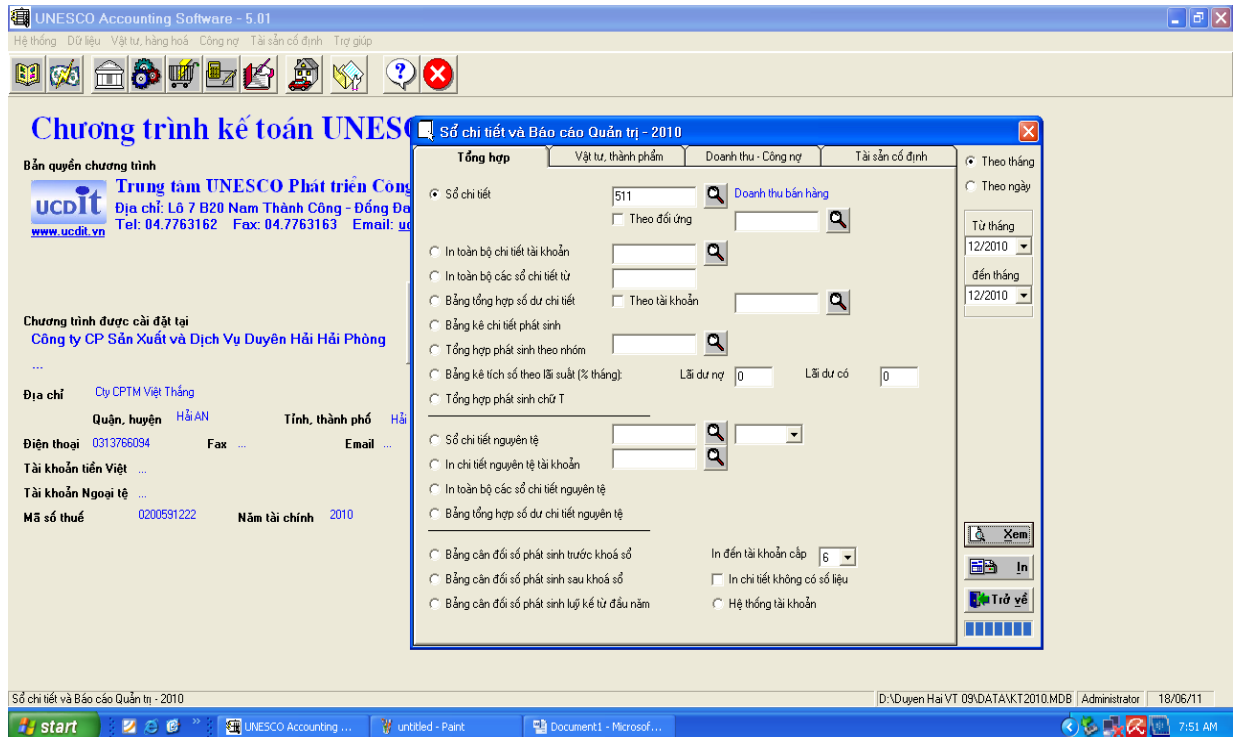


Hình 2.5

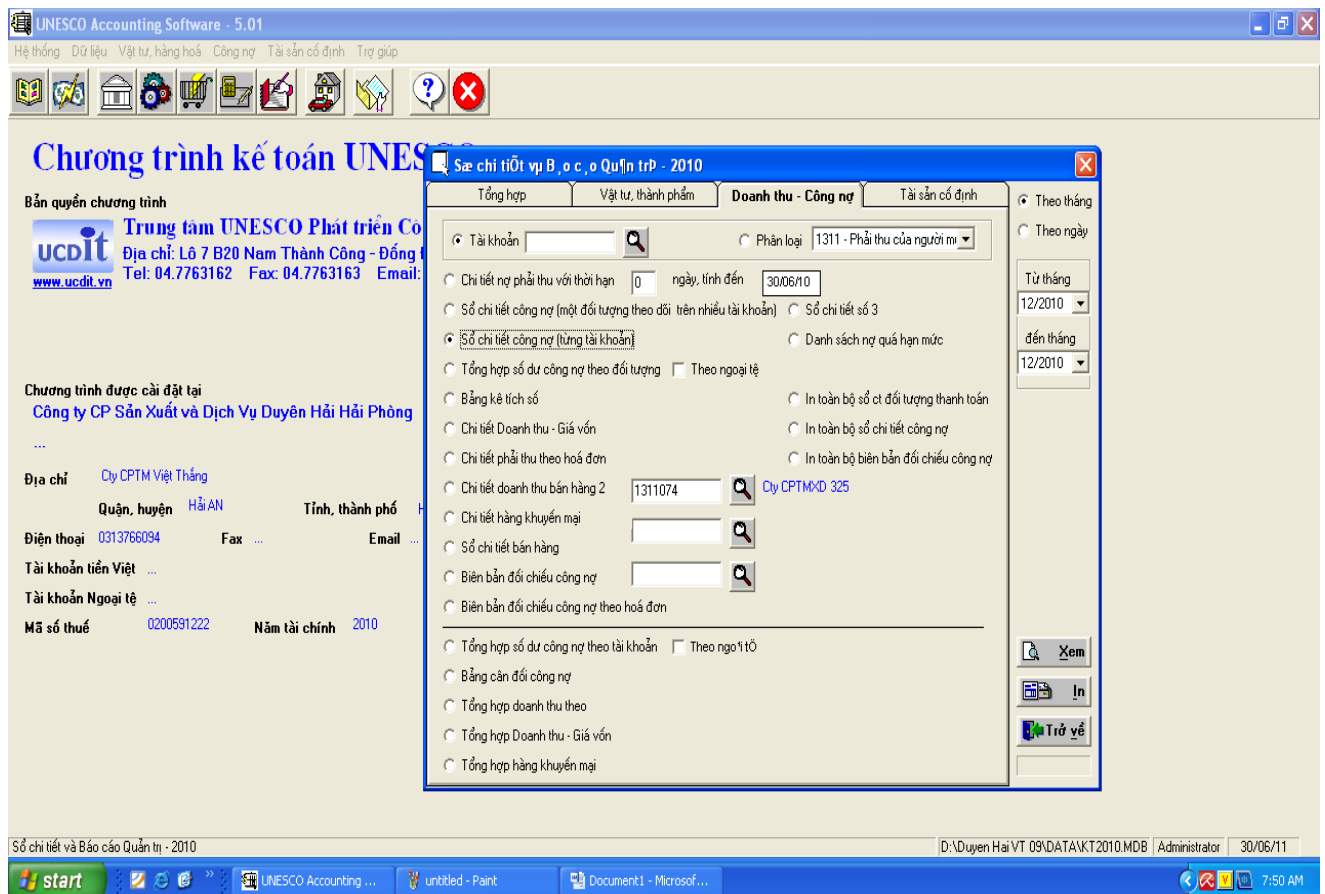
- ❖ Để xem sổ Nhật ký chung và Sổ cái, kế toán kích vào phần **Kế toán tổng hợp** (Hình 2.3), chọn dòng Nhật ký chung hoặc dòng Sổ cái (Hình 2.8)
- ❖ Để xem Sổ chi tiết kế toán kích vào phần **kế toán chi tiết**(Hình 2.3), chọn Sổ chi tiết và muốn in sổ chi tiết nào thì kế toán đánh số hiệu Tài khoản đó(Hình 2.9)
- ❖ Để xem Sổ chi tiết thanh toán, Sổ phải thu khách hàng, Sổ chi tiết doanh thu ,Sổ tổng hợp doanh thu theo mặt hàng, kế toán kích vào phần **Kế toán tổng hợp** (Hình 2.3), chọn Doanh thu – Công nợ (Hình 2.10)



Hình 2.8



Hình 2.9



Hình 2.10

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
153	BH12/11	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại – Cty CPTMXD 325 <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng</i>	1311 333111 5111	480.401.900	43.672.900 436.729.000
153	BH12/11GV	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại – Cty CPTMXD 325 <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Giá mua hàng hóa</i>	632 1561	380.965.728	380.965.728
...
281	KC-7	31/12/2010	31/12/2010	Kc doanh thu bán hàng <i>Xây lắp</i> <i>Khác</i> <i>Cho thuê máy</i> <i>Dv vận tải</i> <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	511303 511304 511302 511301 5111 911	6.363.636.364 28.909.091 520.000.000 1.872.992.200 10.035.695.652	18.821.233.307
...

Tổng số phát sinh 124.178.180.504 124.178.180.504

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 03 trích Nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST020064727

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

511- Doanh thu bán hàng

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ:

SỐ CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
...
BH12/11	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại-Cty CPTMXD325	1311		436.729.000	3.914.861.200
BH12/12	20/12/2010	20/12/2010	Doanh thu bán đá hộc – Cty TNHH TM DỖ Thành	1311		972.580.000	4.887.441.200
BH12/13	20/12/2010	20/12/2010	Doanh thu bán đá hộc- Cty CPXD &TM Cát Thành	1311		299.380.000	5.186.821.200
...
BH12/31	31/12/2010	31/12/2010	Ghi nhận doanh thu cho thuê nhà- Cty CPVT dầu khí Đông Dương	1311		28.909.091	18.821.233.307
KC-7	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu bán hàng	911	18.821.233.307		
Tổng phát sinh :					18.821.233.307	18.821.233.307	
Phát sinh lũy kế:					60.912.634.617	60.912.634.617	
						Số dư cuối kỳ:	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 04 : Trích sổ Cái TK 511 tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK 131-1311074: Cty CPTMXD325

Tháng 12/2010

Ngày Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				1.123.225.118	
18/12/10	BH12/11	18/12/10	Doanh thu bán cát đá các loại-Cty CPTMXD 325	333111	43.672.900		1.166.898.018	
18/12/10	BH12/11	18/12/10	Doanh thu bán cát đá các loại-Cty CPTMXD 325	5111	436.729.000		1.603.627.018	
21/12/10	BC12/11	21/12/10	Cty CPTMXD 325 chuyển trả tiền hàng T10/2010	1121		390.000.000	1.213.627.018	
23/12/10	BC12/16	23/12/10	Cty CPTMXD 325 chuyển trả tiền hàng	1121		400.000.000	813.627.018	
27/12/10	BC12/18	27/12/10	Cty CPTMXD 325 chuyển trả tiền hàng	1121		300.000.000	513.627.018	
			Tổng phát sinh		480.401.900	1.090.000.000		
			Phát sinh lũy kế					
			Số dư cuối kỳ				513.627.018	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 05:Sổ Chi tiết thanh toán

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

TÀI KHOẢN:131 – PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

THÁNG 12/2010

HIỆU	TÊN KH	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		PHÁT SINH TRONG KỲ				SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	LŨY KẾ	CÓ	LŨY KẾ	NỢ	CÓ
	<i>Phải thu của người mua</i>	<i>18.601.598.421</i>	<i>201.478.028</i>	<i>20.703.934.898</i>	<i>67.244.707.557</i>	<i>8.579.242.298</i>	<i>47.076.129.991</i>	<i>30.726.105.584</i>	<i>201.294.500</i>
	<i>Phải thu của người mua</i>	<i>18.601.596.421</i>	<i>201.478.028</i>	<i>20.703.934.989</i>	<i>67.244.707.557</i>	<i>8.579.242.298</i>	<i>47.076.129.991</i>	<i>30.726.105.584</i>	<i>201.294.500</i>
...
1066	Cty TNHH Đức Huy	38.7000000						38.700.000	
1074	Cty CPTMXD 325	1.123.225.118		480.401.900	1.643.627.018	1.090.000.000	1.213.469.473	513.627.018	
1086	Cty TNHH Tiến Đạt	644.890.400		977.440.000	4.755.518.900	1.160.460	4.517.861.400	463.870.000	
...
1116	Cty CPTMVT kim khí & XD Thuận Thành			672.573.000	672.573.000	250.000.000	250.000.000	422.573.000	
1117	Cty CPXD & TM Cát Thành			329.318.000	329.318.000	50.000.000	50.000.000	279.318.000	
1118	Cty CP TMĐT & XD HP-XN10-10			1.807.672.350	1.807.672.350			1.807.672.350	
TỔNG CỘNG		18.601.596.421	201.478.028	20.703.934.989	67.244.707.557	8.579.242.298	47.076.129.991	30.726.105.584	201.294.500
		18.400.118.393						30.524.811.084	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 06:Trích phải thu khách hàng tháng 12/2010

2.2.2_ Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP TM Việt Thắng

Công ty bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

2.2.2.1_ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

2.2.2.2_ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

- TK 155 – Thành phẩm

Ví dụ 02 : Từ HĐGTGT số 0048311 (Biểu 02) khi kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm kế toán sẽ tự động tính giá vốn theo phương pháp liên hoàn của từng mặt hàng, từ đó kế toán in ra phiếu xuất kho (Hình 2.10)

The screenshot shows the 'Sửa nội dung chứng từ' (Edit document content) window in UNESCO Accounting Software. The window displays a table of goods with columns for STT, Tài khoản, Diễn giải, Mã số, Số lượng, Đơn giá, Phát sinh nợ, and Phát sinh có. The table contains 6 rows of data, including items like 'Đá 0,5', 'Cát Vàng', 'Cát đen', 'Đá 1*2', 'Cát Hà Bắc', and 'Giá vốn hàng bán'.

STT	Tài khoản	Diễn giải	Mã số	Số lượng	Đơn giá	Phát sinh nợ	Phát sinh có
1	1561	Đá 0,5	156003	310.00	168,463.35	52,225,499	
2	1561	Cát Vàng	156009	120.00	186,002.36	22,320,283	
3	1561	Cát đen	156001	3,163.00	48,026.64	151,908,262	
4	1561	Đá 1*2	156002	100.00	190,275.74	19,027,574	
5	1561	Cát Hà Bắc	156045	1,500.00	90,322.74	135,484,110	
6	632	Giá vốn hàng bán				380,965,728	

Hình 2.10

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

Số BH12/11V

PHIẾU XUẤT

Ngày 18/12/210

Nợ :632

Số : BH12/11GV

Có :1561

Họ tên người nhận hàng

Lý do xuất kho: Doanh thu bán cát đá các loại- Cty CPTMXD 325

Xuất tại kho:

Kho hàng hóa

Mã số KH: 1311074

Tên KH : Cty CPTMXD 325

ST T	Tên sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đ.v.t	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Đá 0,5	156003		310,00		168.469,35	52.225.499
2	Cát vàng	156009		120,00		186.002,36	22.320.283
3	Cát đen	156001		3.163,00		48.026,64	151.908.262
4	Đá 1*2	156002		100,00		190.275,74	19.027.574
5	Cát Hà Bắc	156045		1.500,00		90.322,74	135.484.110
	Cộng						380.965.728

Tổng giá trị : **380.965.728**

Cộng thành tiền : *ba trăm tám mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng*

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người nhận

Thủ kho

Biểu 07 : phiếu xuất

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
153	BH12/11	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại – Cty CPTMXD 325 <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng</i>	1311 333111 5111	480.401.900	43.672.900 436.729.000
153	BH12/11GV	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại – Cty CPTMXD 325 Giá vốn hàng bán Giá mua hàng hóa	632 1561	380.965.728	380.965.728
159	PN12/70	19/12/2010	19/12/2010	Nhập gạch-Cty Cp Vilacera Đông Triều <i>Giá mua hàng hóa</i> <i>Nợ trong nước</i>	1561 331101	6.175.000	6.175.000
160	PT12/08	19/12/2010	19/12/2010	Rút tiền tại NH Quân Đội về nhập quỹ cty <i>Tiền Việt nam</i> <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	1111 112101	36.000.000	36.000.000
..
279	KC-4	31/12/2010	31/12/2010	Kc giá vốn hàng bán <i>Xác định kết quả giá vốn hàng bán</i> <i>Giá vốn hàng bán</i>	911 632	18.693.384.556	18.693.384.556
...

Tổng số phát sinh 124.178.180.504 124.178.180.504

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 08 trích Nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

632- Giá vốn hàng bán

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
...
BH12/11GV	18/12/2010	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại-Cty CPTMXD325	1561	380.965.728		3.391.934.061
BH12/12GV	20/12/2010	20/12/2010	Doanh thu bán đá hộc – Cty TNHH TM DỠ Thành	1561	937.892.170		4.329.826.231
BH12/13GV	20/12/2010	20/12/2010	Doanh thu bán đá hộc- Cty CPXD &TM Cát Thành	1561	447.635.874		4.777.462.105
...
BH12/30GV	31/12/2010	31/12/2010	Doanh thu bán vật liệu- Cty CPTM DV & XD Cường Thành	1561	63.335.577		18.693.384.556
KC-7	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu bán hàng	911		18.693.384.556	
Tổng phát sinh :					18.693.384.556	18.693.384.556	
Phát sinh lũy kế:					57.205.712.482	57.205.712.482	
Số dư cuối kỳ:							

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 09 : Trích sổ Cái TK632 tháng 12/2010

2.2.3_Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CPTM Việt Thắng

2.2.3.1_Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn GTGT
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán
- + bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ....
- + Báo nợ

2.2.3.2_Tài khoản sử dụng

TK 642 : Chi phí bán hàng

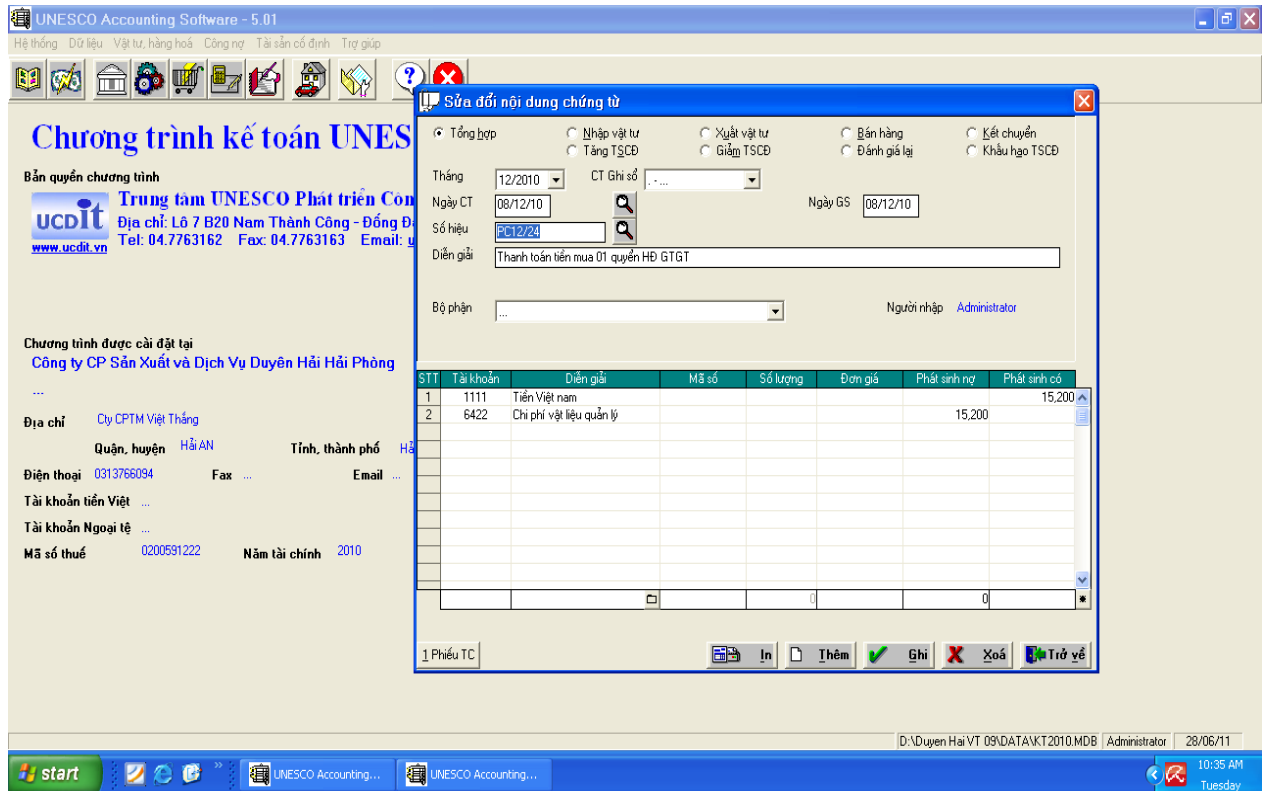
TK 6421: Chi phí bán hàng	TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
TK 64211:CP nhân viên	TK 64221: CP nhân viên quản lý
TK 64212: CP vật liệu, bao bì	TK 64222: CP vật liệu quản lý
TK 64213: CP dụng cụ, đồ dùng	TK 64223 : CP dụng cụ văn phòng
TK 64214: CP khấu hao TSCĐ	TK 64224 : CP khấu hao TSCĐ
TK 64215: CP bảo hành	TK 64225 : Thuế, phí, lệ phí
TK 64217: CP dịch vụ mua ngoài	TK 64226 : CP dự phòng
TK 64218: CP bằng tiền khác	TK 64227 : CP dịch vụ mua ngoài
	TK 64228 : CP bằng tiền khác

Ví dụ 03

✓ Ngày 08/12/2010 Thanh toán tiền mua 01 quyền HĐ GTGT – Chi cục thuế quận Hải An với số tiền là 15.200.

Căn cứ vào HĐ GTGT (Biểu 15) Kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm với các thông tin chung như sau:(Hình 2.11)

- Tháng :12
- Ngày CT :08/12/10
- Số hiệu : PC 12/24
- Diễn giải : Thanh toán tiền mua 01 quyền HĐGTGT



Hình 2.11

HOA ĐƠN BÁN HÀNG
THÔNG THƯỜNG
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 02/GTTT-3/L1
CD/2010B
0034954

Ngày: 18 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Chi cục Thuế Hải Phòng
Địa chỉ: Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: 222213 MS:
Họ tên người mua hàng: Trần Thị Anh
Tên đơn vị:
Địa chỉ: **CTY CP THƯƠNG MẠI VIỆT THẮNG**
Số tài khoản: **PHÙ XÁ - ĐÔNG HẢI - HẢI AN - HP**
Hình thức thanh toán: **MST: 0200647274**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Hàng hoá (48301 - 48350, PQ/2010, 96g)	Φ	01	15.200	15.200

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ: 15.200
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm nghìn hai trăm đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): Trần Thị Anh
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): [Ký]
PHỤ TRÁCH AN CHÌ (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên): [Ký]
ĐỘI TRƯỞNG

(Cán kiểm tra, đối chiếu thị lập, giao, nhận hàng hoá)

Biểu 10 : HDGTGT

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

Mẫu số : 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 08/12/2010

Quyển số
Số : PC12/24
Nợ 6422 15.200
Có 1111 15.200

Họ và tên người nhận : Trần Thị Anh
Địa chỉ : Thủ quỹ
Lý do chi : Thanh toán tiền mua mua 01 quyển 01 HĐ GTGT
Số tiền : 15.200 đồng (Viết bằng chữ) Mười lăm nghìn hai
trăm đồng chẵn
Kèm theo : Chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu Thủ Quỹ Người nhận tiền Kế toán trưởng Giám đốc

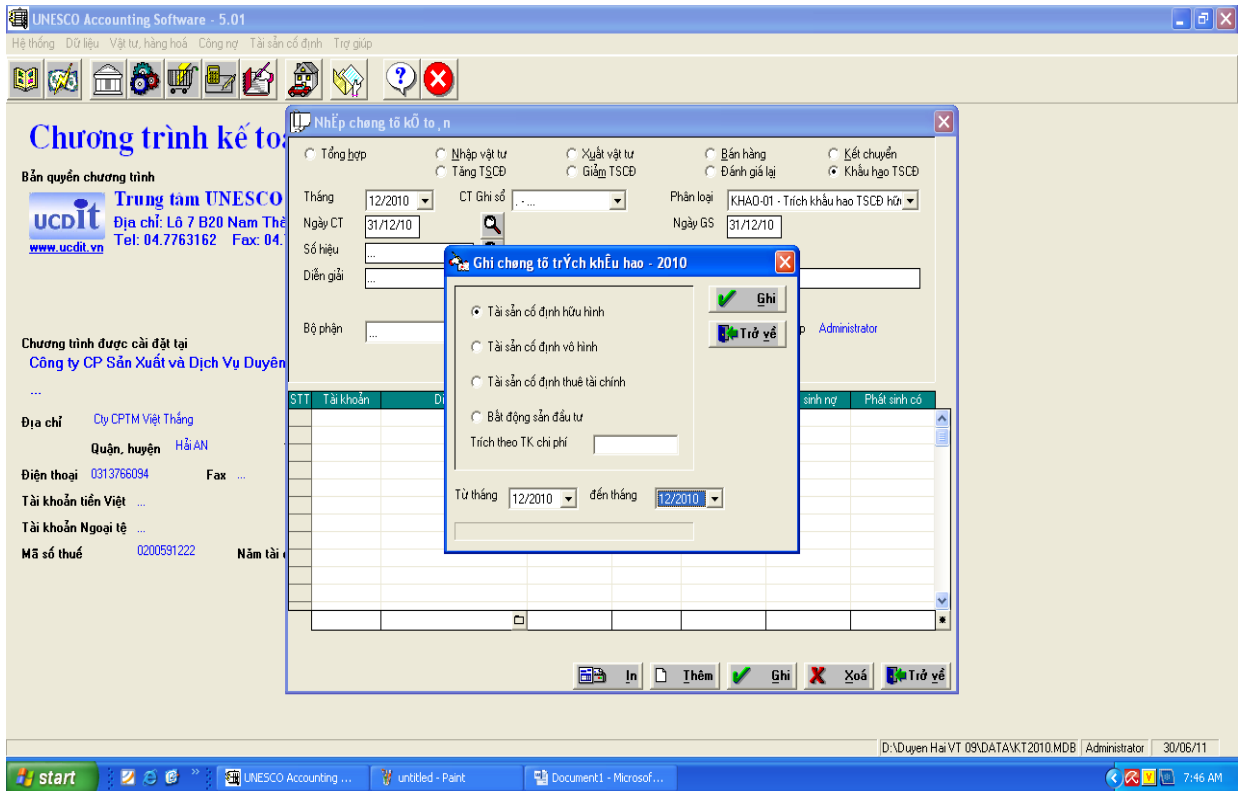
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :
+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý) :
+ Số tiền quy đổi :

Biểu 11 : Phiếu chi – Thanh toán tiền mua 01 quyển HĐGTGT

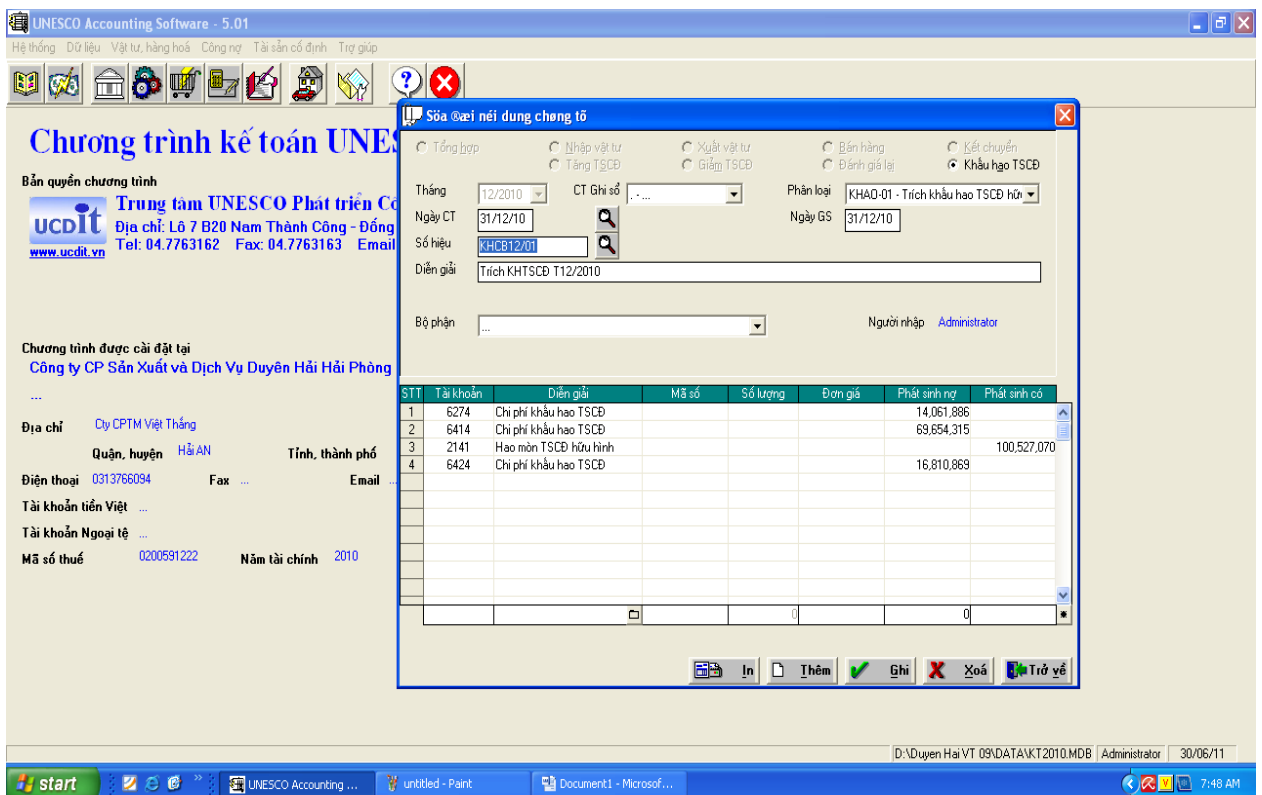
Ví dụ 04

✓ Cuối tháng Ngày 31/12/2010 Trích KH TSCĐ T12/2010, với số tiền: 69.654.315

Kế toán vào phần nhập dữ liệu (Hình 2.4), kích vào phần **Trích khấu hao** trên màn hình sẽ hiện ra hộp thoại (Hình 2.13) sau đó kế toán ấn nút **Ghi**, phần mềm kế toán sẽ động trích khấu hao (Hình 2.14)



Hình 2.12



Hình 2.13

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

CHI TIẾT PHÂN BỐ KHẤU HAO
Tháng 12/2010

Tài sản		TK ghi nợ và đối ứng sử dụng	TK ghi có		
Tên	Số hiệu		2141	2142	2143
		1546274			
Máy xúa đào KOMATSU 15LA 027	211311-08	1546274-CP khấu hao TSCĐ	4,674,000		
Máy xúc bánh xích	211311-09	1546274-CP khấu hao TSCĐ	4,737,722		
Máy xúc bánh lốp PC120-3	211311-10	1546274-CP khấu hao TSCĐ	4,650,164		
		Tổng cộng	14,061,886		
		64214			
Cây xăng dầu	21111-02	64214-CP khấu hao TSCĐ	534,459		
Cầu cảng 1 - Phú Xá	21112-01	64214-CP khấu hao TSCĐ	9,307,036		
Otô IFA 16H-0088	211311-01	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,239,583		
Otô IFA 16K-6592	211311-03	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,396,667		
Otô IFA 16K-6076	211311-04	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,276,250		
Otô IFA 16K-6594	211311-05	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,419,401		
Otô IFA 16K-4722	211311-06	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,186,016		
Máy xúa đào 15LA -0034	211311-07	64214-CP khấu hao TSCĐ	6,254,771		
Xe Ben 16M - 7135	211311-11	64214-CP khấu hao TSCĐ	7,598,289		
Xe Ben 16M - 7136	211311-12	64214-CP khấu hao TSCĐ	7,598,289		
Xe Ben 16M - 7902	211311-13	64214-CP khấu hao TSCĐ	7,598,289		
Xe Ben 16M - 8162	211311-14	64214-CP khấu hao TSCĐ	7,600,893		
Xe Ben 16M- 5025	211311-15	64214-CP khấu hao TSCĐ	2,986,363		
Máy đào bánh xích 220-3	211311-16	64214-CP khấu hao TSCĐ	8,658,009		
		Tổng cộng	69,654,315		
		6424			
Sân đường nội bộ	21111-03	64224-CP khấu hao TSCĐ	946,349		
Otô 16L - 4889	211312-02	64224-CP khấu hao TSCĐ	8,694,091		
Xe Camry	211312-03	64224-CP khấu hao TSCĐ	6,993,000		
Máy tính Dell	21140-03	64224-CP khấu hao TSCĐ	177,429		
		Tổng cộng	16,810,869		
		Tổng cộng	100,527,070		

Số tài sản trên đối tượng sử dụng : 21/3
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 12: Chi tiết phân bổ khấu hao

Công ty CPTM Việt Thắng

MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	KHCB12/01		
Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010
Diễn giải	Trích KHCB TSCĐ T12/2010		
Tài khoản		Phát sinh nợ	Phát sinh có
1546274- Chi phí khấu hao TSCĐ		14.061.886	
64214 - Chi phí khấu hao TSCĐ		69.654.315	
64224- Chi phí khấu hao TSCĐ		16.810.869	
2141- Hao mòn TSCĐ hữu hình			100.527.070

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 13 : Phiếu hạch toán

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
56	PC12/24	08/12/2010	08/12/2010	Thanh toán tiền mua 01 quyển HĐ GTGT <i>Chi phí vật liệu quản lý</i> <i>Tiền Việt Nam</i>	64222 1111	15.200	15.200
...
250	KHCB12/01	31/12/2010	31/12/2010	Trích KHCB TSCĐ Tháng 12/2010 <i>Chi phí SX dở dang</i> <i>Chi phí KHTSCĐ</i> <i>Chi phí KHTSCĐ</i> <i>Khấu hao CB TSCĐ</i>	1546274 64214 64224 2141	14.061.886 69.654.315 16.810.869	100.527.070
...
280	KC-5	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí bán hàng <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> <i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i> <i>Chi phí nhân viên</i>	911 64214 64211	130.832.315	69.654.315 61.178.000
289	KC-4	31/12/2010	31/12/2010	Kc chi phí quản lý doanh nghiệp <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> <i>Chi phí nhân viên quản lý</i> <i>Chi phí vật liệu quản lý</i> <i>Chi phí KHTSCĐ</i> <i>Chi phí bằng tiền khác</i> <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	911 64221 64222 64224 64228 64227	69.490.981	28.273.000 15.200 16.810.869 488.000 23.453.912
...

Tổng số phát sinh **124.178.180.504** **124.178.180.504**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 14 Trích Nhật ký chung tháng 12/2010

Kế toán trưởng

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
642- Chi phí quản lý doanh nghiệp
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
PC12/07	06/12/2010	06/12/2010	Thanh toán tiền cước điện thoại	111	2.181.269		2.181.269
PC12/24	08/12/2010	08/12/2010	Thanh toán tiền mua 01 quyển HĐ GTGT	111	15.200		2.196.469
BN12/02	10/12/2010	10/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH MHB	1121	396.000		2.592.469
BN12/03	10/12/2010	10/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH MHB	1121	22.000		2.614.496
...
KHCB12/01	31/12/2010	31/12/2010	Trích KHCB TSCĐ T12/2010	2141	86.465.184		98.967.796
PHT12/18	31/12/2010	31/12/2010	Trích lương CBCNV T12/2010	3341	87.450.000		186.417.796
...
KC-6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý doanh nghiệp	911		200.323.296	
Tổng phát sinh :					200.323.296	200.323.296	
Phát sinh lũy kế:					2.957.324.323	2.957.324.323	
						Số dư cuối kỳ:	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 15 : Trích sổ Cái TK642 tháng 12/2010

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD tại Công ty CPTM Việt Thắng

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
6421- Chi phí quản bán hàng
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư	
KHCB12/01	31/12/2010	31/12/2010	Trích KHCB TSCĐ T12/2010	2141	69.654.315		69.654.315	
PHT12/18	31/12/2010	31/12/2010	Trích lương CBCNV T12/2010	3341	60.760.000		130.414.315	
PHT12/20	31/12/2010	31/12/2010	Trích BHXH,BHYT từ CPQLDN,CPBH T12/2010	3383,3384	418.000		130.832.315	
KC-5	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí bán hàng	911		130.832.315	...	
Tổng phát sinh :						130.832.315	130.832.315	
Phát sinh lũy kế:						2.252.303.584	2.252.303.584	
Số dư cuối kỳ:								

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
64211- Chi phí nhân viên
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư	
PHT12/18	31/12/2010	31/12/2010	Trích lương CBCNV T12/2010	3341	60.760.000		130.414.315	
PHT12/20	31/12/2010	31/12/2010	Trích BHXH,BHYT từ CPQLDN,CPBH T12/2010	3383,3384	418.000		130.832.315	
KC-5	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí bán hàng	911		61.178.000		
Tổng phát sinh :						61.178.000	61.178.000	
Phát sinh lũy kế:						730.486.000	730.486.000	
Số dư cuối kỳ:								

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
PC12/07	06/12/2010	06/12/2010	Thanh toán tiền cước điện thoại	111	2.181.269		2.181.269
PC12/24	08/12/2010	08/12/2010	Thanh toán tiền mua 01 quyển HĐ GTGT	111	15.200		2.196.469
BN12/02	10/12/2010	10/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH MHB	1121	396.000		2.592.469
BN12/03	10/12/2010	10/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH MHB	1121	22.000		2.614.496
...
KHCB12/01	31/12/2010	31/12/2010	Trích KHCB TSCĐ T12/2010	2141	16.810.869		29.313.481
PHT12/18	31/12/2010	31/12/2010	Trích lương CBCNV T12/2010	3341	26.690.000		56.003.481
...
KC-6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý doanh nghiệp	911		69.490.981	
Tổng phát sinh :					69.490.981	69.490.981	
Phát sinh lũy kế:					705.020.739	705.020.739	
					Số dư cuối kỳ:		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 16 : Trích Sổ chi tiết TK6422 tháng 12/2010

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD tại Công ty CPTM Việt Thắng

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
64222- Chi phí vật liệu quản lý
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
PC12/24	0812/2010	08/12/2010	Thanh toán tiền mua 01 quyển HB GTGT	1111	15.200		15.200
KC-5	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý DN	911		15.200	...
Tổng phát sinh :					15.200	15.200	
Phát sinh lũy kế:					132.400	132.400	
Số dư cuối kỳ:							

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
64224- Chi khấu hao TSCĐ
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
KHCB12/01	31/12/2010	31/12/2010	Trích KHCBTSCĐ T12/2010	2141	16.810.869		16.810.869
KC-5	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý DN	911		16.810.869	
Tổng phát sinh :					16.810.869	16.810.869	
Phát sinh lũy kế:					201.730.428	201.730.428	
Số dư cuối kỳ:							

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4_Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CPTM Việt Thắng

2.2.4.1_Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ Ngân hàng
- Phiếu tính lãi, Phiếu trả lãi

2.2.4.2_Tài khoản sử dụng

TK 635 : Chi phí tài chính

TK 63501 : Lãi vay phải trả

TK 515 : Doanh thu từ hoạt động tài chính

Ví dụ 05 :

✓ Ngày 27/12/2010 nhập lãi tiền gửi NH Quân đội về nhập quỹ công ty với số tiền là :25.361.(có kèm theo sổ hạch toán chi tiết) (Biểu 17). Căn cứ vào phiếu trả lãi, Sổ hạch toán chi tiết của Ngân hàng MB kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào máy tính (Hình 2.14)

GÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 26/11/2010 Đến ngày: 25/12/2010

Khách hàng: 91842 CTY CP TM VIET THANG

Tài khoản: 2531100036005

Nguyên tệ: VND

Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2010	1	1,666,646.00	2.40	111.00
27/11/2010	3	15,741,646.00	2.40	3,148.00
30/11/2010	2	12,294,424.00	2.40	1,639.00
02/12/2010	1	82,294,424.00	2.40	5,486.00
03/12/2010	8	2,294,424.00	2.40	1,224.00
11/12/2010	2	1,553,174.00	2.40	207.00
13/12/2010	1	1,553,174.00	2.40	104.00
14/12/2010	1	55,553,174.00	2.40	3,704.00
15/12/2010	1	51,514,174.00	2.40	3,434.00
16/12/2010	1	37,103,174.00	2.40	2,474.00
17/12/2010	3	7,103,174.00	2.40	1,421.00
20/12/2010	2	5,002,174.00	2.40	667.00
22/12/2010	4	6,531,174.00	2.40	1,742.00

Tổng tiền: 25,361.00

Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi một VND chẵn

Tài khoản trích nợ: PL 50000

Tài khoản ghi có: 2531100036005

Ngày lập phiếu: 27/12/2010

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Handwritten signature

Ngân hàng TMCP quân đội

SỐ HẠCH TOÁN CHI TIẾT

Ngày: 25/12/2010

Tài khoản: 2531100036005

Loại tiền: VND

Khách hàng: 91842 CTY CP TM VIET THANG

Số dư đầu ngày: 6,531,174.00

Số giao dịch	Nợ/Có	Phát sinh nợ	Phát sinh có
2531100036005-20101225	C	0.00	25,361.00 ✓
Tổng phát sinh:		0.00	25,361.00
Số dư cuối ngày:		6,556,535.00	

Ngày: 27/12/10

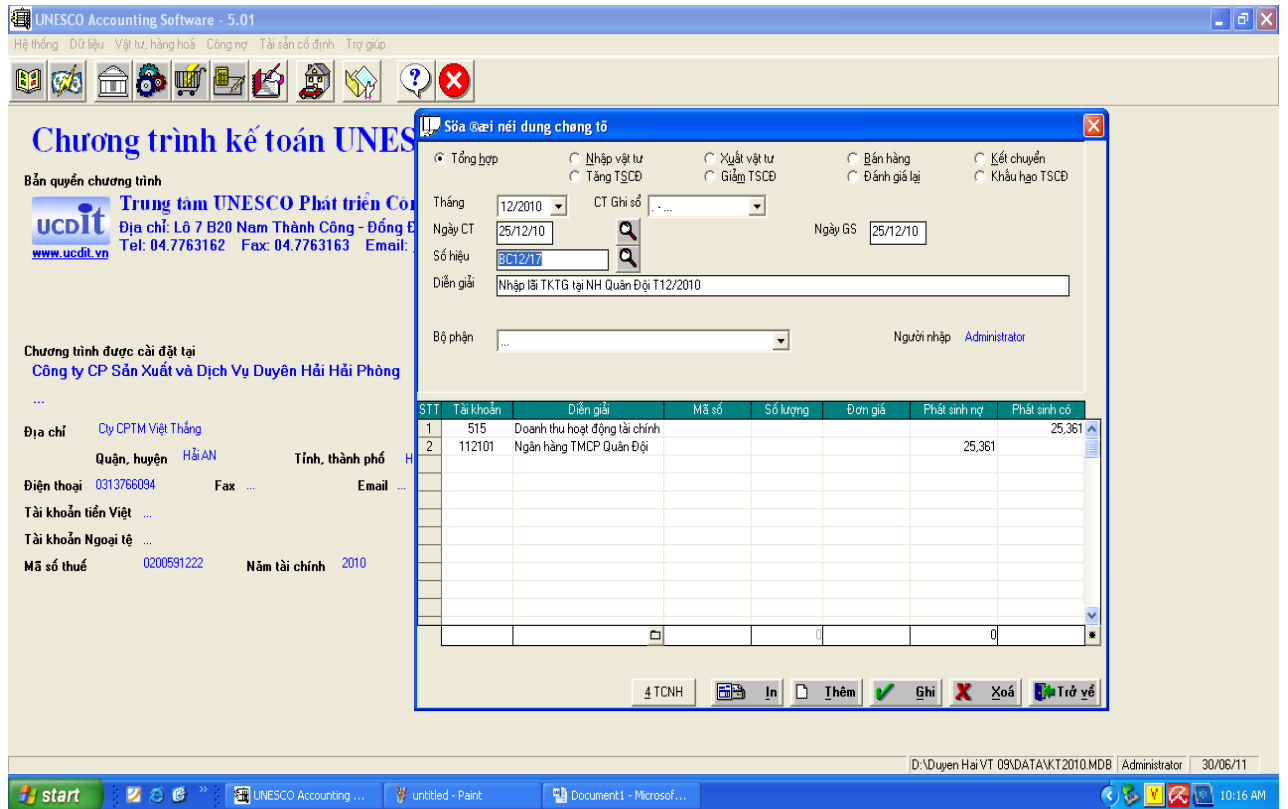
Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Handwritten signature

Biểu 17 : Phiếu trả lãi TKTG



Hình 2.14

Công ty CPTM Việt Thắng

MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT BC12/17

Ngày CT 25/12/2010

Ngày GS 25/12/2010

Diễn giải Nhập lãi TKTG tại NH Quân Đội T12/2010

Tài khoản

Phát sinh nợ Phát sinh có

515- Doanh thu hoạt động tài chính

25.361

112101 – Ngân hàng TMCP Quân Đội

25.361

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 18 : Phiếu hạch toán

Ví dụ 06

✓ Ngày 31/12/2010 Chuyển trả lãi vay NH Quân đội T12/2010(có kèm theo sổ hạch toán chi tiết) với số tiền là :3.652.778(Biểu 24).Căn cứ vào phiếu tính lãi tiền vay của NH MB , kế toán nhập dữ liệu nghiệp vụ vào máy tính

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
Ngô Quyền(NQ)

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY

Từ ngày 30/11/2010 Đến ngày 31/12/2010
Liên 2 - Giao cho khách hàng

Khế ước số: LD0827400112
Khách hàng: 91842 CTY CP TM VIET THANG
Loại vay: 21051 Business Loans - Corporate

Từ ngày	Đến ngày	Số dư	Số ngày	Tích số	Lãi(%)	Tiền lãi
30/11/2010	30/11/2010	250,000,000.00	1	250,000,000.00	16	111,111.00
01/12/2010	30/12/2010	250,000,000.00	30	7,500,000,000.00	17	3,541,667.00
Tổng cộng						3,652,778.00

Tổng tiền lãi 3,652,778.00
Tiền bằng chữ Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám VND chẵn

Lập biểu Kiểm soát Ngày tháng năm
Kế toán trưởng

Ngân hàng TMCP quân đội

SỔ HẠCH TOÁN CHI TIẾT

Ngày: 31/12/2010

Tài khoản: 2531100036005
Khách hàng: 91842 CTY CP TM VIET THANG

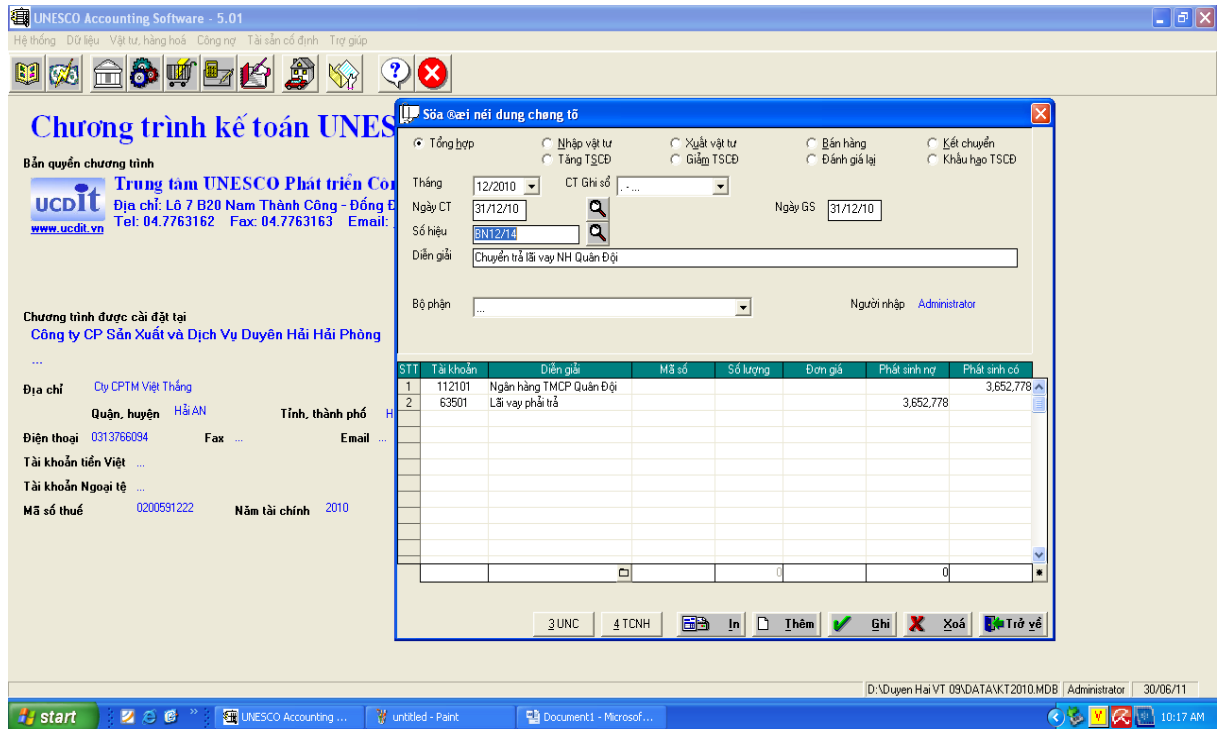
Loại tiền: VND
Số dư đầu ngày: 46,879,683.00

Số giao dịch	Nợ/Có	Phát sinh nợ	Phát sinh có
TT1036517545	C	0.00	800,000,000.00 ✓
FT10365001026495	D	11,000.00 ✓	0.00
FT10365001026495	D	800,000,000.00 ✓	0.00
LD0827400112	D	3,652,778.00 ✓	0.00
LD0827400112	D	31,250,000.00 ✓	0.00
Tổng phát sinh:		834,913,778.00	800,000,000.00
Số dư cuối ngày:		11,965,905.00	

Ngày: 2/1/11

Người lập phiếu Kiểm soát Kế toán trưởng

Biểu 19 :Phiếu tính tiền lãi vay – NH Quân đội



Hình 2.15

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	BN12/14		
Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010
Diễn giải	Chuyển trả lãi vay NH Quân Đội		
Tài khoản		Phát sinh nợ	Phát sinh có
112101 – Ngân hàng TMCP Quân Đội			3.652.778
63501- lãi vay phải trả		3.652.778	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 20 : Phiếu hạch toán

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
215	BC12/17	25/12/2010	25/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH Quân đội T12/2010 <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i> <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	112101 515	25.361	25.361
216	BC12/18	27/12/2010	27/12/2010	Cty CPTMXD 325 chuyển trả tiền hàng <i>NH MHB</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	112105 1311	300.000.000	300.000.000
...
258	BN12/14	31/12/2010	31/12/2010	Chuyển trả lãi vay NH Quân đội <i>Lãi vay phải trả</i> <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	63501 112101	3.652.778	3.652.778
...
282	KC -8	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu HĐTC <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	515 911	599.262	599.262
283	KC-10	31/12/2010	31/12/2010	Kc chi phí HĐTC <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> <i>Lãi vay phải trả</i>	911 635	70.308.612	70.308.612
...

Tổng số phát sinh **124.178.180.504** **124.178.180.504**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 21 trích Nhật ký chung tháng 12/2010

Kế toán trưởng

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
515- Doanh thu hoạt động tài chính
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư	
BC12/17	25/12/2010	25/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH Quân Đội T12/2010	1121		25.361	25.361	
BC12/23	31/12/2010	31/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH MHB T12/2010	1121		558.901	584.262	
BC12/24	31/12/2010	31/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH MHB	1121		15.000	599.262	
KC8	31/12/2010	31/12/2010	KC Doanh thu HĐTC	911	599.262		...	
Tổng phát sinh :						599.262	599.262	
Phát sinh lũy kế:						3.781.499	3.781.499	
					Số dư cuối kỳ:			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Biểu 22 :Sổ Cái TK515 tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
635- Chi phí hoạt động tài chính
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
BN12/11	25/12/2010	25/12/2010	Chuyển trả gốc vay trung hạn MHB	1121	26.272.094		26.272.094
BN12/12	25/12/2010	25/12/2010	Chuyển trả gốc vay ngắn hạn MHB	1121	38.354.755		64.626.849
BN12/13	25/12/2010	25/12/2010	Chuyển trả lãi vay NH MHB	1121	2.028.985		66.665.834
BN12/14	31/12/2010	31/12/2010	Chuyển trả lãi vay NH Quân Đội	1221	3.652.778		70.308.612
KC10	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí HĐTC	911		70.308.612	
Tổng phát sinh :					70.308.612	70.308.612	
Phát sinh lũy kế:					586.370.613	586.370.613	
						Số dư cuối kỳ:	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Biểu 23:Sổ Cái TK635 tháng 12/2010

2.2.5_ Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CPTM Việt Thắng

2.2.5.1_ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi , Phiếu thu
- Biên bản thanh lý TSCĐ

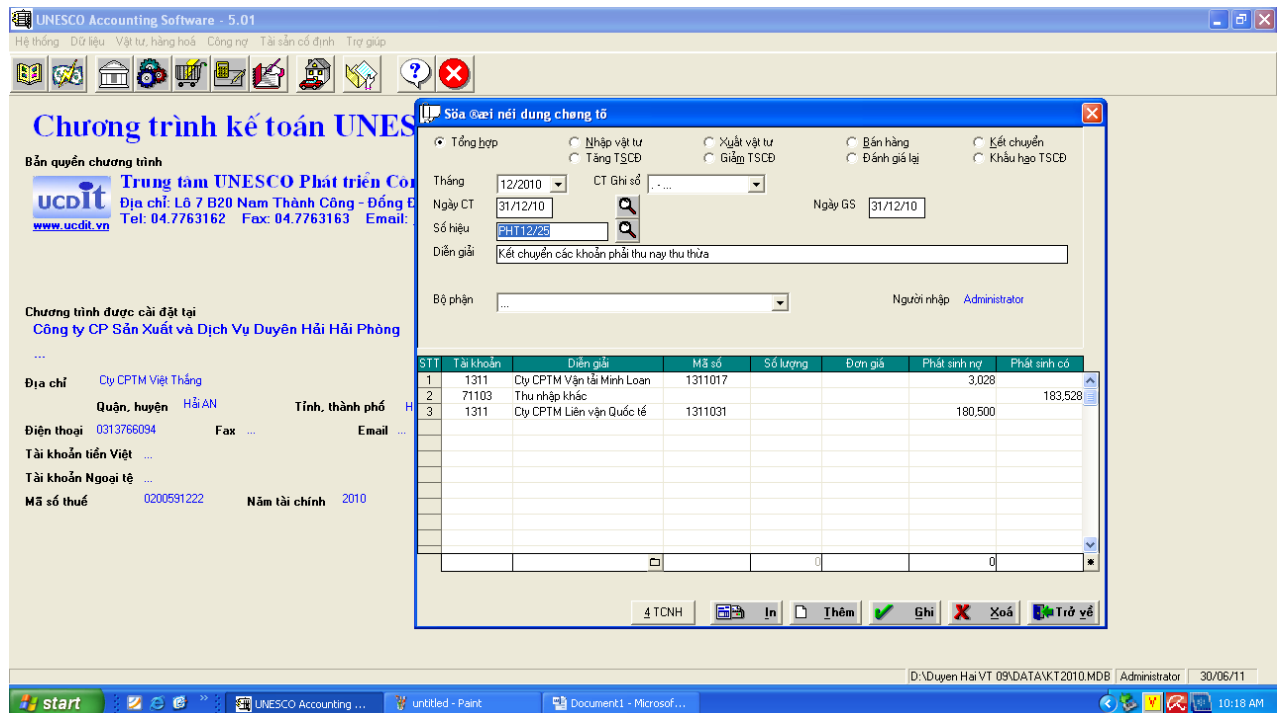
2.2.5.2_ Tài khoản sử dụng

- TK 711 : Thu nhập khác
 - TK 71101 : Thu nhập thanh lý TS
 - TK 71102 : Hỗ trợ lãi suất
 - TK 71103 : Thu nhập khác
- TK 811 : Chi phí khác

Tháng 12/2010 Doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới TK 811

Ví dụ 07:

✓ Ngày 31/12/2010, kế toán phát hiện ra số tiền khách hàng trả thừa, với số tiền là :183.528.



Hình 2.17

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	PHT12/25	Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010
Diễn giải	Kết chuyển các khoản phải thu nay thu thừa				
Tài khoản		Phát sinh nợ		Phát sinh có	
1311- Phải thu của người mua và người giao thừa		3.028			
112101 – Ngân hàng TMCP Quân Đội				183.528	
1311 – Phải thu của người nua và người giao thầu		180.500			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 24 : Phiếu hạch toán

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
103	BH12/06	13/12/2010	13/12/2010	Doanh thu bán vật liệu-Cty TNHH MTV TN HP <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1311 333111 5111	83.600.000	7.600.000 76.000.000
104	BN12/04	13/12/2010	13/12/2010	Chuyển trả tiền hàng – Cty TNHHTM&VTTB Thành An <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1311 333111 5111	83.600.000	7.600.000 76.000.000
105	BC12/06	13/12/2010	13/12/2010	Cty ĐT TM Vĩnh Thịnh chuyển trả tiền hàng <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	112101 1311	765.000.000	765.000.000
...
286	PHT12/25	31/12/2010	31/12/2010	Kết chuyển các khoản phải thu nay thu thừa <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thu nhập khác</i>	1311 71103	183.528	183.528
287	KC -9	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu khác <i>Thu nhập khác</i> <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	711 911	183.528	183.528
..

Tổng số phát sinh 124.178.180.504 124.178.180.504

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 25 trích Nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

711- Thu nhập khác

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
PHT12/25	31/12/2010	31/12/2010	Kết chuyển các khoản phải thu nay thu thừa	1311		183.528	183.528
KC9	31/12/2010	31/12/2010	KC Doanh thu khác	911	183.528		
Tổng phát sinh :					183.582	183.528	
Phát sinh lũy kế:					192.942.012	192.942.012	
Số dư cuối kỳ:							

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 26 :Sổ Cái TK711 tháng 12/2010

2.2.6_ Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Việt Thắng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

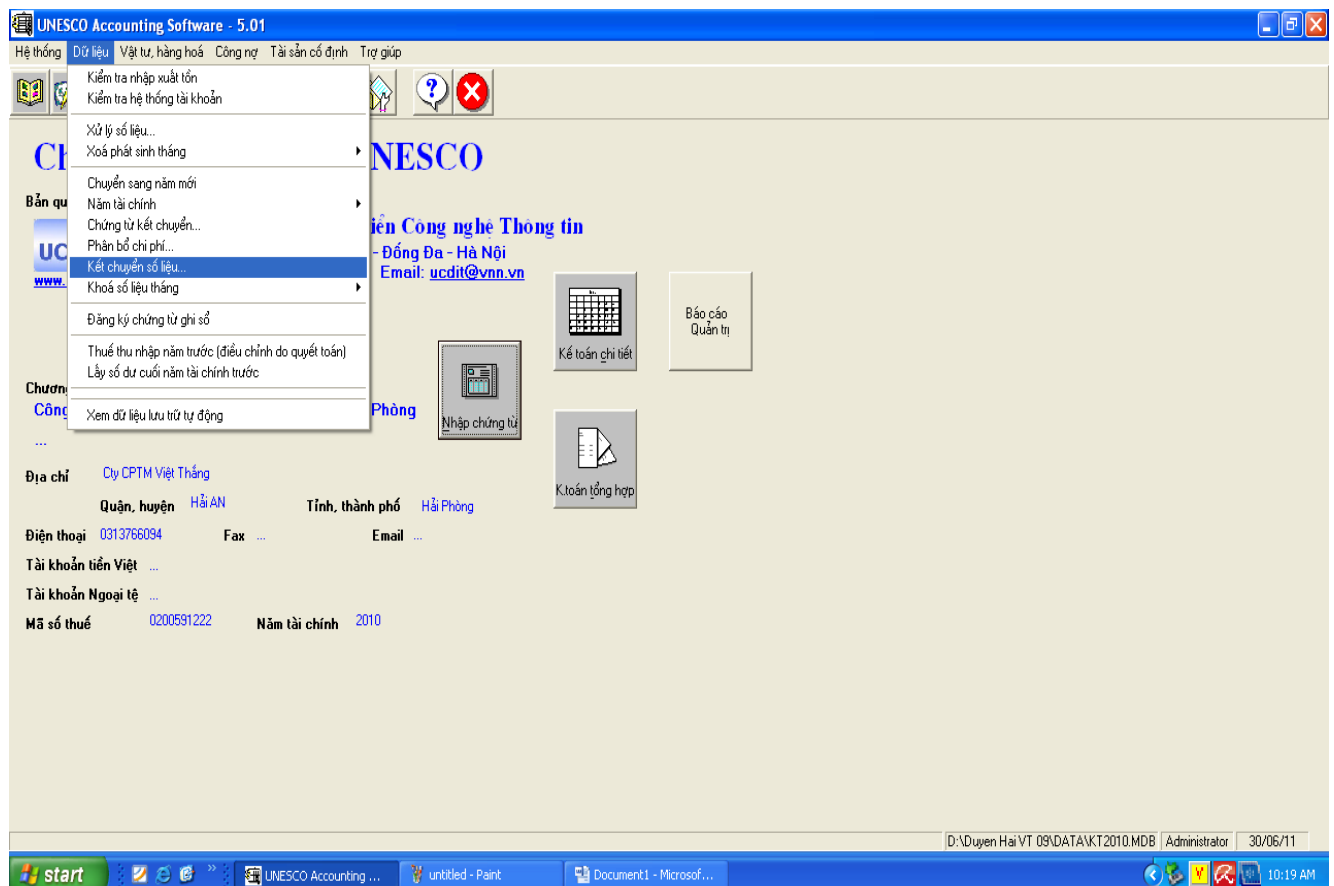
2.2.6.1_ Chứng từ sử dụng

Phiếu hạch toán phản ánh kết chuyển

2.2.6.2_ Tài khoản sử dụng

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

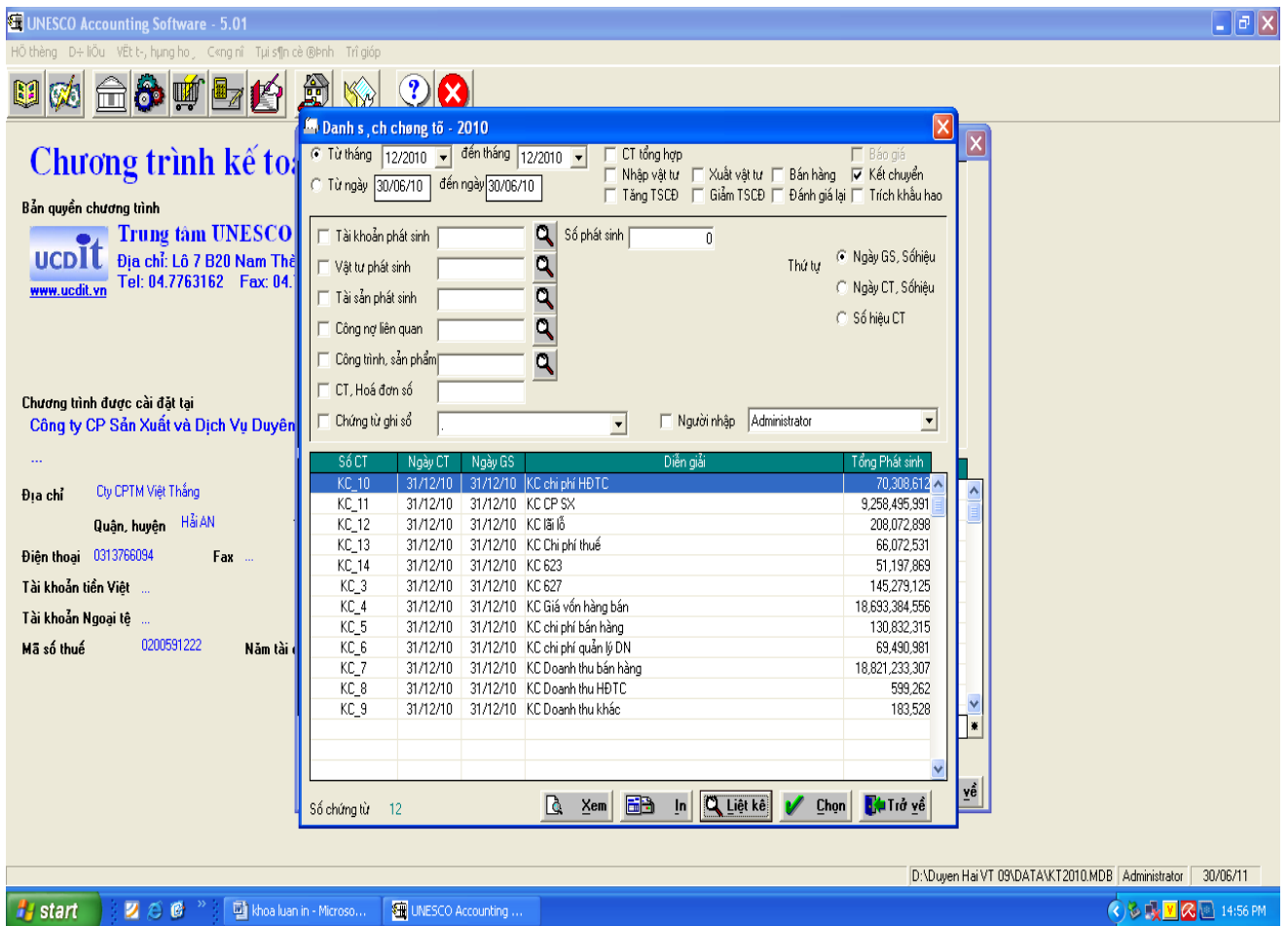
Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển.(Hình 2.3) kế toán vào phần **dữ liệu /kết chuyển số liệu** (Hình 2.18),trên phần mềm kế toán sẽ hiện thị lên hộp thoại (Hình 2.19) sau đó kế toán chọn Tháng 12 và ấn nút **Thực hiện**.(Hình 2.20)Phần mềm sẽ tự động kết chuyển dữ liệu.Khi đó kế toán quay lại vào phần nhập dữ liệu (Hình 2. 10), chọn phần kết chuyển,trên màn hình sẽ hiện thị lên toán bộ phần kết chuyển (Hình 2.20).Để xem chi tiết hơn bút toán kết chuyển nào thì kế toán kích vào bút toán đó và ấn nút **Chọn**(Hình 2.21)



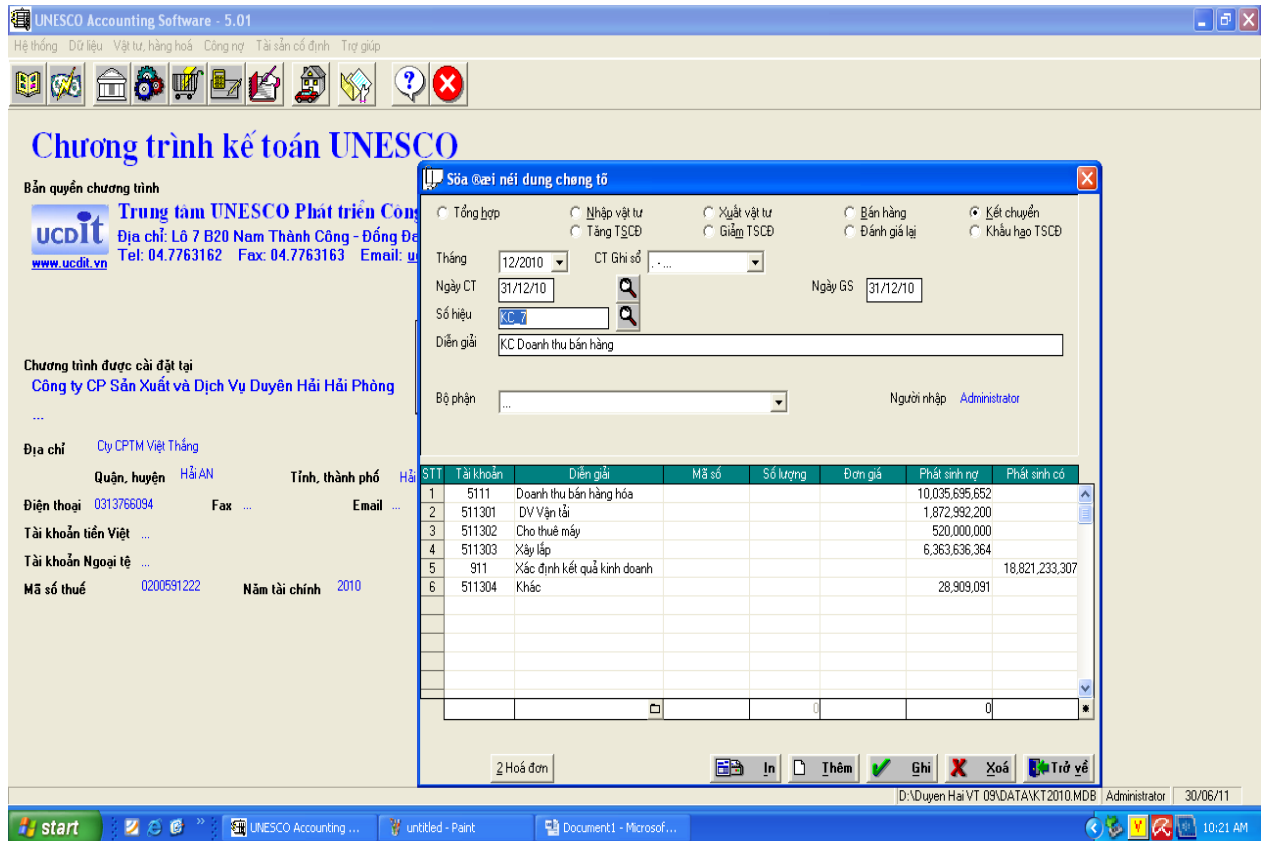
Hình 2.18



Hình 2.19
Ra



Hình 2.20



Hình 2.21 142.000.367

* **Các bút toán kết chuyển**

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	KC-4	Ngày GS	31/12/2010
Ngày CT	31/12/2010	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Diễn giải	KC giá vốn hàng bán	18.693.384.556	18.693.384.556
Tài khoản			
632 – Giá vốn hàng bán			
911- Xác định kết quả kinh doanh		18.693.384.556	

Người lập biểu

Biểu 27 : KC giá vốn bán hàng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	KC6	Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010
Diễn giải	KC chi phí quản lý doanh nghiệp				
Tài khoản		Phát sinh nợ		Phát sinh có	
6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp				69.490.981	
911- Xác định kết quả kinh doanh		69.490.981			

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 28 : KC chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	KC5	Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010
Diễn giải	KC chi phí bán hàng				
Tài khoản		Phát sinh nợ		Phát sinh có	
6421- Chi bán hàng				130.832.315	
911- Xác định kết quả kinh doanh		130.832.315			

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 29 : KC chi phí bán hàng

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT KC-7		
Ngày CT 31/12/2010	Ngày GS 31/12/2010	
Diễn giải KC doanh thu bán hàng		
Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
5111- Doanh thu bán hàng	10.035.695.652	
511301- Doanh thu DV vận tải	1.872.992.200	
511302- Doanh thu Cho thuê máy	520.000.000	
511303- Doanh thu Xây lắp	6.363.636.364	
911- Xác định kết quả kinh doanh		18.821.233.307
511304- Doanh thu khác	28.909.091	

Người lập biểu Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 30 : KC doanh thu bán hàng

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT KC-8		
Ngày CT 31/12/2010	Ngày GS 31/12/2010	
Diễn giải KC doanh thu hoạt động tài chính		
Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
911- Xác định kết quả kinh doanh		599.262
515- Doanh thu hoạt động tài chính	599.262	

Người lập biểu Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 31 : KC doanh thu hoạt động tài chính

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT KC-9		
Ngày CT 31/12/2010	Ngày GS 31/12/2010	
Diễn giải Kết chuyển doanh thu khác		
Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
911- Xác định kết quả kinh doanh		183.528
71103 – Thu nhập khác	183.528	

Người lập biểu Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 32 : KC doanh thu khác

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số CT	KC10			
Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010	
Diễn giải	KC chi phí hoạt động tài chính			
Tài khoản		Phát sinh nợ		Phát sinh có
63501- Lãi vay phải trả				70.308.612
911- Xác định kết quả kinh doanh		70.308.612		

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 33 : KC chi phí hoạt động tài chính

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

PHIẾU HẠCH TOÁN

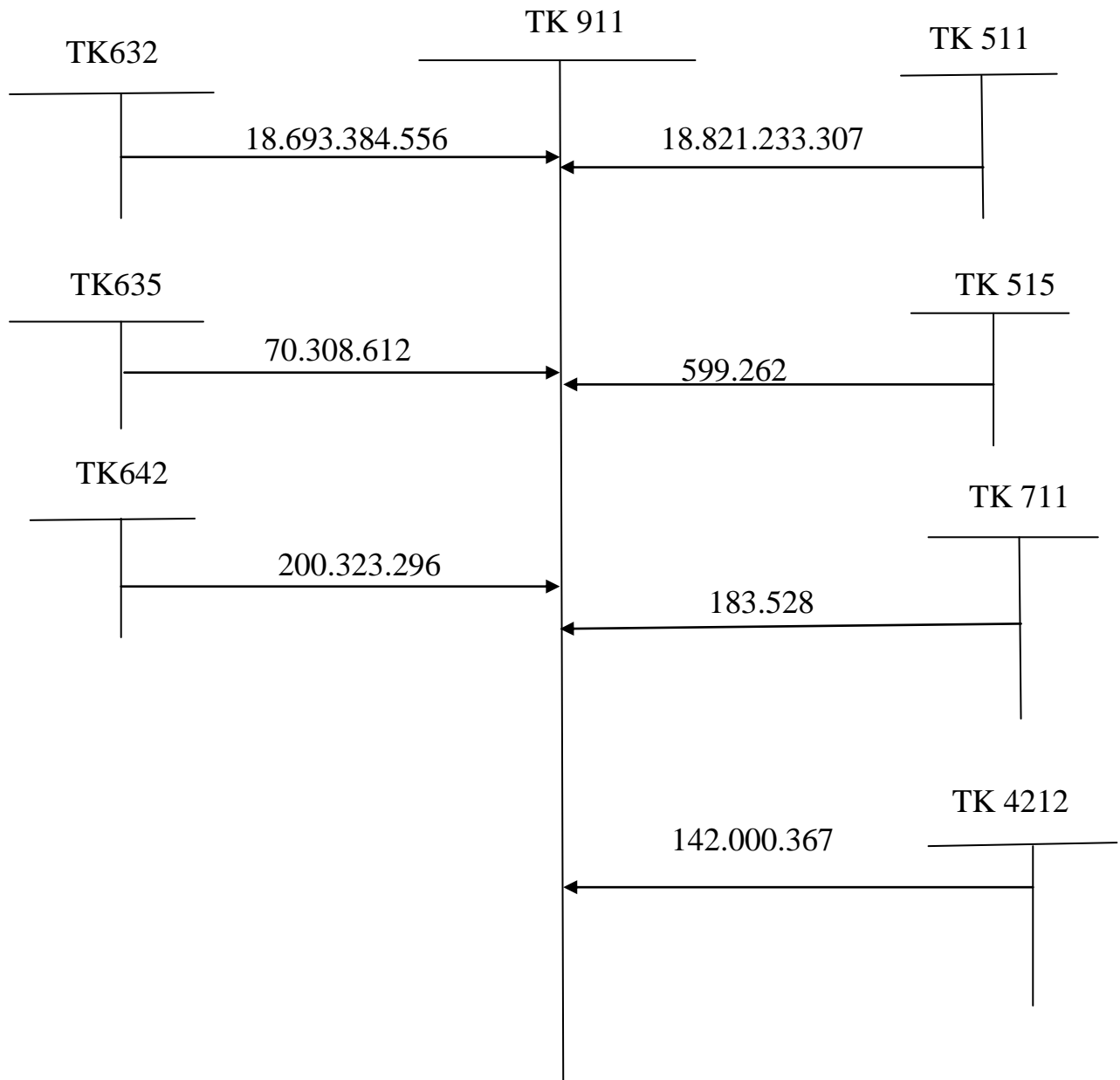
Số CT	KC12			
Ngày CT	31/12/2010	Ngày GS	31/12/2010	
Diễn giải	KC lãi lỗ			
Tài khoản		Phát sinh nợ		Phát sinh có
911 – Xác định kết quả kinh doanh				142.000.367
4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		142.000.367		

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 34: KC lãi lỗ

**Sơ đồ hạch toán Kết Quả Kinh Doanh T12/2010 tại Cty CPTM Việt Thắng
như sau:**



CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG
MST0200647274

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
911- Xác định kết quả kinh doanh
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đôi ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
KC12	31/12/2010	31/12/2010	KC lãi lỗ	4212		142.000.367	142.000.367
KC7	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu bán hàng	5111		10,035,695,652	10,243,768,540
KC7	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu bán hàng	5113		8,785,537,655	19,029,306,195
KC8	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu HĐTC	515		599,262	19,029,905,457
KC9	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu khác	711		183,528	19,030,088,985
KC10	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí HĐTC	635	70,308,612		18,959,780,373
KC4	31/12/2010	31/12/2010	KC giá vốn hàng bán	632	18,693,384,556		200,323,296
KC6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí bán hàng	6421	130.832.315		69.490.981
KC6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý DN	6422	69.490.981		
Tổng phát sinh:					18.964.016.464	18.964.016.464	
Phát sinh lũy kế:					61,954,431,811	61,954,431,811	
						Số dư cuối kỳ	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 41 : Sổ cái TK 911 T12/2010

Chương III :

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VIỆT THẮNG

3.1_Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Việt Thắng.

Cty CPTM Việt Thắng là một doanh nghiệp tuy mới thành lập nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường

Ngày nay khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình công ty , nhiều phương thức kinh doanh, và sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường .Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên .Chính vì vậy mà doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo năng động của Ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ nhân viên trong công ty

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty CPTM Việt Thắng, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình tận tụy của các nhân viên kế toán, em đã có điều kiện làm quen thực tế và áp dụng củng cố những kiến thức đã hoặc tại nhà trường. Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cty CPTM Việt Thắng.

3.1.1_Ưu điểm

➤ Về bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình. Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán riêng cho mình. Việc bố trí xây dựng

bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại công ty, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ trình độ nghiệp vụ.

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân phối chặt chẽ, được chỉ đạo hệ thống từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của công ty.

Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp, đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu được dễ dàng tránh sai sót, đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu và kế hoạch thích hợp, phù hợp với nhu cầu thị trường

➤ *Về hình thức kế toán*

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm máy vi tính, với phần mềm kế toán đang được sử dụng là UNESCO. Hiện nay việc áp dụng phần mềm kế toán đang được phổ biến với hầu hết các doanh nghiệp, nó không chỉ giảm bớt gánh nặng cho kế toán viên mà còn giúp cho việc hạch toán dễ dàng, nhanh chóng hơn. Phần mềm kế toán mà công ty lựa chọn phù hợp với quy mô, tình hình hoạt động, yêu cầu quản lý và trình độ quản lý của kế toán Công ty. Bên cạnh đó phần mềm tương đối thân thiện với người sử dụng, tạo điều kiện cho quá trình hạch toán của kế toán viên.

➤ *Về hạch toán ban đầu*

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do BTC quy định

Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ phận, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

➤ *Về tài khoản kế toán*

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó công ty cũng mở rộng theo dõi chi tiết cho một số đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

➤ *Về đội ngũ kế toán của Công ty*

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trau dồi bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán của công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

➤ *Về hệ thống sổ kế toán:*

Phần mềm kế toán không có Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán, điều này khó cho kế toán tính được lãi gộp của từng mặt hàng, không xác định được chính xác mặt hàng nào có lãi cao và đang nhiều khách hàng ưa chuộng

➤ *Về hệ thống tổ chức bộ máy kế toán:*

Tuy bộ máy kế toán được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc

➤ *Về quá trình luân chuyển chứng từ:* Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc.

➤ *Về chính sách bán hàng của Công ty:* Trong quá trình thực tập tại Công ty em nhận thấy Công ty chưa áp dụng được các chính sách bán hàng của mình như: chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua hàng với số lượng

lớn và chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán tiền hàng sớm hơn trong hợp đồng mua bán đã ký kết. Việc xử lý các khoản nợ khó đòi của Công ty vẫn chưa được triệt để.

3.2 _Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tại công ty CPTM Việt Thắng.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Mặt khác kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành của tài sản, góp phần bảo vệ sử dụng hợp lý và sử dụng hiệu quả của đơn vị mình. Bên cạnh đó việc lập BCTC của công tác kế toán còn có thuộc công tác thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như : chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.1_ Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty CPTM Việt Thắng.

*** Giải pháp 1 : Về hệ thống sổ sách kế toán**

✓ Phần mềm kế toán UNESCO nên mở Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết giá vốn hàng hóa để giúp Công ty theo dõi được chi tiết hơn lãi gộp từng mặt hàng. Công ty có thể liên hệ với nhà cung cấp phần mềm kế toán UNESCO có thể nâng cấp phần mềm lên như cài đặt hệ thống sổ chi tiết chi phí Sổ chi tiết doanh thu như sau:

- ✓ Ví dụ 02 : Ngày 18/12/2010 xuất bán cát, đá cho Cty CPTMXD 325 với tổng giá vốn là 380.965.728 :

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Tháng 12/2010
156002- Đá 1*2 - Đơn vị tính :M3

TT	Chứng từ			Số lượng bán	Đơn giá	Tổng giá vốn
	Số hiệu	Ngày	Diễn giải			
1	BH12/02	9/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại - Cty CPĐTTM Vĩnh Thịnh	1,081.00	761,103	822,752,300
...
5	BH12/11	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá - Cty CPTMXD 325	100.00	190,276	19,027,574
...
9	BH12/30	31/12/2010	Doanh thu bán vật liệu - Cty TMDV&XD Cường Thành	43.00	190,276	8,181,857
Tổng cộng				5,012.00	324,896	1,628,379,783

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Công ty CPTM Việt Thắng
MST 0200647274

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Tháng 12/2010
156001- Cát đen - Đơn vị tính :M3

TT	Chứng từ			Số lượng bán	Đơn giá	Tổng giá vốn
	Số hiệu	Ngày	Diễn giải			
1	BH12/01	8/12/2010	Doanh thu bán cát đá các loại - Cty TMDV&XD Cường Thành	100.00	48,027	4,802,664
...
7	BH12/11	18/12/2010	Doanh thu bán cát đá - Cty CPTMXD 325	3,163.00	48.027	151,908,262
...
10	BH12/30	31/12/2010	Doanh thu bán vật liệu - Cty TMDV&XD Cường Thành	24.00	48,027	1,152,639
Tổng cộng				7,895,00	59,952	465,426,168

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ví dụ 01 Ngày 18/12/2010 Doanh thu bán cát đá cho cty CP TM XD 325 với số tiền trước thuế là :436.729.000, VAT :43.672.900, tổng cộng tiền thanh toán : 480.401.900

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2010

156001- Cát đen – Đơn vị tính :M3

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU'	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
08/12/10	BH12/01	08/12/10	Doanh thu bán cát đá-Cty TMDV& XD Cường Thành	1311	100,00	60.000,00	6.000.000		
...
18/10/10	BH12/11	18/12/10	Doanh thu bán cát đá các loại- Cty CPTMXD 325	1311	3.163,00	63.000,00	199.269.000		
...
31/12/10	BH12/30	31/12/10	Doanh thu bán vật liệu- Cty TMDV& XD Cường Thành	1311	24,00	55.000,00	1.320.000		
			Doanh thu thuần		7.895,00	56.980,87	449.864.000		
			Giá vốn hàng bán				379.170.323		
			Lãi gộp				70.693.677		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CP TM VIỆT THẮNG

MST0200647274

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2010

156002- Đá1*2 – Đơn vị tính :M3

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
09/12/10	BH12/02	09/12/10	Doanh thu bán cát đá – Cty CPĐTTM Vĩnh Thịnh	1311	410	165.000,00	67.650.000		
.....
...
18/10/10	BH12/11	18/12/10	Doanh thu bán cát đá các loại- Cty CPTMXD 325	1311	100,00	197.000,00	19.700.000		
...
31/12/10	BH12/30	31/12/10	Doanh thu bán vật liệu- Cty TMDV& XD Cường Thành	1311	43,00	120.000,00	5.160.000		
			Doanh thu thuần		5.012,00	192.921,86	996.924.350		
			Giá vốn hàng bán				953.662.009		
			Lãi gộp				13.262.341		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty CPTM Việt Thắng
Mã số thuế 0200647274

TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG THEO MẶT HÀNG
Tháng 12/2010

STT	Số hiệu	Diễn giải	Đ.v.t	Số lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền
1						8,785,537,655
	156	Hàng hóa				10,035,695,652
2	156001	Cát đen	M3	7,895.00	56,981	449,864,000
3	156002	Đá 1*2	M3	5,012.00	192,922	966,924,350
...
40	156087	Tấm đan D1 900*450*80	Cái	452.00	145,000	65,540,000
41	156088	Củi	Kg	45,800.00	1,440	65,952,000
Tổng cộng						18,821,233,307

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Người lập biểu

※ **Gải pháp 2: Về quá trình luân chuyển chứng từ và hệ thống tổ chức bộ máy kế toán.**

❖ Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của Công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán vào cùng thời điểm, điều này gây ra nhiều ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán viên tại phòng kế toán công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy, công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

❖ Công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khóa học để bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ

❖ Việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người ôm đồm quá nhiều công việc.

※ **Gải pháp 3: Chính sách bán hàng**

Hiện nay các khoản phải thu của khách hàng tại công ty rất lớn điều này gây nhiều khó khăn cho Công ty trong các trường hợp cần thiết vốn gấp. Vì vậy công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như : Công ty nên có những chính sách chiết khấu thanh toán đối với các khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán sớm hơn thời hạn trong hợp đồng.. Về tình hình thanh toán công nợ phải thu, để giúp Công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng thì công ty nên coi trọng một số biện pháp sau:

+ Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp . thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn.

+ Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán như : lựa chọn khách hàng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước 1 phần giá trị của đơn đặt hàng...

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo Hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của Ngân hàng (1.65%)

+ Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân từng khoản nợ bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan để có biện pháp quản lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ cho khách hàng

3.2.3_Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Việt Thắng.

Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập BCTC. Hơn nữa nhân viên kế toán còn phải là người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành hạch toán theo đúng quy định.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty.
- Tiếp cận chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của công ty

KẾT LUẬN

Ngày nay muốn tồn tại được, các doanh nghiệp phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và liên tục mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất để tiếp cận với công cuộc đổi mới của đất nước.

Công ty CPTM Việt Thắng luôn luôn phấn đấu để khẳng định vị trí của mình trong trên thị trường. Để có được vị trí như hiện nay một phần thành công đó không thể không kể đến sự đóng góp của công tác kế toán. Công ty đang chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý càng tốt hơn mà trong đó khâu đóng vai trọng là doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng và công tác kế toán nói chung của công ty tương đối hoàn thiện song bên cạnh đó cũng không tránh khỏi những thiếu sót.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị của trường ĐHDL Hải Phòng, cũng như ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty CPTM Việt Thắng đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Luyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán- Nhà xuất bản tài chính
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Báo cáo tài chính , chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính
5. Giáo trình kế toán tài chính – Nhà xuất bản giao thông vận tải
6. Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.